

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**TRẦN XUÂN HÙNG**

**QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ CÔNG TY TÀI CHÍNH  
THEO PHÁP LUẬT VỀ CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG Ở  
VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số : 60.38.01.07**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thị Thương Huyền**

**HÀ NỘI, 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

**TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**TRẦN XUÂN HÙNG**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TY TÀI CHÍNH VÀ QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ CÔNG TY TÀI CHÍNH</b>	<b>8</b>
1.1. Một số vấn đề lý luận về Công ty Tài chính	8
1.2. Quy chế pháp lý về Công ty Tài chính	17
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY CHẾ PHÁP LÝ CÔNG TY TÀI CHÍNH THEO PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG Ở VIỆT NAM</b>	<b>25</b>
2.1. Quy chế pháp lý về Công ty Tài chính ở Việt Nam qua các thời kỳ	25
2.2. Thực trạng quy chế pháp lý của Công ty Tài chính theo pháp luật các tổ chức tín dụng Việt Nam	27
2.3. Đánh giá thực trạng về quy chế pháp lý Công ty Tài chính	44
2.4. Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế của quy chế pháp lý về Công ty Tài chính tại Việt Nam	56
<b>CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ CÔNG TY TÀI CHÍNH Ở VIỆT NAM</b>	<b>61</b>
3.1. Yêu cầu phải hoàn thiện Quy chế pháp lý Công ty Tài chính tại Việt Nam.	61
3.2. Những đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về Công ty Tài chính tại Việt Nam	62
3.3. Những đề xuất, kiến nghị trong việc tổ chức thực thi Quy chế pháp lý về Công ty Tài chính tại Việt Nam	68
<b>KẾT LUẬN</b>	<b>78</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>79</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của loại hình Công ty Tài chính (một loại hình tổ chức tín dụng) đã góp phần không nhỏ thúc đẩy sự phát triển của hệ thống tài chính Việt Nam. Chính sự ra đời của các Công ty Tài chính đã tạo nên thị trường cung cấp dịch vụ trung gian tài chính cạnh tranh hơn, vốn từ trước nay được coi là sân chơi riêng của các Ngân hàng; Qua đó đem đến nhiều hơn lợi ích cho người tiêu dùng. Cùng với sự phát triển đó, yêu cầu cấp thiết về việc hoàn thiện quy chế pháp lý của Công ty Tài chính đang được đề cao hơn bao giờ hết. Bởi lẽ nếu không có một hành lang pháp lý đầy đủ, tiên tiến thì không thể phát triển theo đúng định hướng bền vững, hiệu quả mà Đảng, Nhà nước đã giao cho hệ thống tài chính, ngân hàng, không thể phục vụ tốt nhân dân. Có hàng loạt câu hỏi đang đặt ra như: Hiện trạng quy chế pháp lý về Công ty Tài chính ở nước ta như thế nào? Tác động của quy chế pháp lý đối với hoạt động Công ty Tài chính, tới phát triển ngành tài chính-ngân hàng ra sao? Những bất cập của quy chế pháp lý trên là gì? Văn bản pháp luật nào không còn phù hợp cần được bổ sung, chỉnh sửa và văn bản nào đang tạo động lực mạnh đối với lĩnh vực Công ty Tài chính? Những vấn đề gì thực tiễn đang yêu cầu nhưng chưa được quy định trong Luật? Trong thời gian tới quy chế pháp lý về Công ty Tài chính cần được bổ sung, chỉnh sửa hoặc hoàn thiện như thế nào để phù hợp với sự thay đổi của đất nước và hội nhập kinh tế - quốc tế?

Xuất phát từ những lý do và mối quan tâm đó, tác giả lựa chọn nghiên cứu đề tài ***“Quy chế pháp lý Công ty Tài chính theo pháp luật về các Tổ chức tín dụng Việt Nam hiện hành”*** là rất cần thiết và thiết thực cả về lý luận và thực tiễn đối với ngành tài chính-ngân hàng.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Cho đến thời điểm này, đã có một số nghiên cứu khoa học về Công ty tài chính nhưng chủ yếu tập trung đề cập ở phương diện kinh tế học, tài chính như:

- Luận văn: Tình hình hoạt động của các Công ty tài chính tại Việt Nam của tác giả Bùi Minh Tâm

- Luận án Hoạt động của công ty tài chính dầu khí thuộc tập đoàn dầu khí Việt Nam: Kinh nghiệm và giải pháp

- Luận án tiến sỹ kinh tế của Hồ Kỳ Minh (2002) về Giải pháp phát triển Công ty tài chính Bru điện. Tác giả đã đi sâu nghiên cứu hoạt động của Công ty tài chính Bru điện, từ đó đề xuất một số giải pháp để thúc đẩy phát triển công ty tài chính trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam;

- Luận án tiến sỹ kinh tế của Trần Công Diệu (2002) về Những giải pháp nhằm hoàn thiện và phát triển công ty tài chính ở Việt Nam. Tác giả đã đề cập và đánh giá hiệu quả hoạt động, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty tài chính, của loại hình công ty tài chính tại thời điểm công ty tài chính mới được thành lập khi nền kinh tế Việt Nam chưa hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới. Trong luận án, tác giả đã đề xuất một số ý kiến nhằm xây dựng hệ thống các giải pháp mang tính vĩ mô để nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty tài chính Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới hiện nay.

- Luận văn thạc sỹ kinh tế của Hoàng Đình Chiến (2001) về Giải pháp hoàn thiện và phát triển các công ty tài chính trong các tổng công ty Nhà nước ở Việt Nam hiện nay đã đề cập một số vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động của các công ty tài chính trong các tổng công ty Nhà nước, làm rõ những kết quả hoạt động của các công ty tài chính và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động tại các công ty này;

- Luận văn thạc sỹ kinh tế của Ngô Anh Sơn (2002) về Giải pháp phát triển các nghiệp vụ của Công ty tài chính Dệt may đã đi sâu nghiên cứu các nghiệp vụ cụ thể và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động nghiệp vụ của Công ty tài chính Dệt may. Đồng thời, tác giả đã có một số kiến nghị với Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Tổng công ty dệt may Việt Nam (nay là Tập đoàn dệt may Việt Nam).

- Tác giả Trịnh Bá Tửu (2003) với công trình: Công ty tài chính trên thế giới và ở Việt Nam đã đề cập đến các loại hình và hoạt động của công ty tài chính trên thế giới và Việt Nam Ngoài những công trình nghiên cứu trên, còn có một số bài viết đi sâu vào các nghiệp vụ cụ thể của các công ty tài chính, tác giả Nguyễn Đăng Nam (2003) có công trình: Vai trò của các công ty tài chính trong việc phát triển thị trường chứng khoán ở Việt Nam Nhìn chung, nội dung nghiên cứu của các tác giả đã đề cập đến nhiều khía cạnh trong hoạt động của công ty tài chính, đặc biệt là công ty tài chính thuộc tổng công ty Nhà nước với mục đích nhằm làm rõ thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn hoạt động của công ty tài chính ở nước ta.

Nhìn chung, chưa thực sự có nhiều công trình chuyên sâu về pháp luật để hoàn thiện quy chế pháp lý về Công ty Tài chính. Các nghiên cứu về pháp luật Công ty tài chính lại chủ yếu tập trung nghiên cứu về hình thái Công ty tài chính cổ phần trực thuộc các tập đoàn nhà nước điển hình như: Công ty Tài chính Dầu Khí, Công ty Tài chính Dệt may, Công ty Tài chính Than Khoáng Sản, Công ty Tài chính Điện lực ..

Các nghiên cứu về pháp luật điều chỉnh về tổ chức, hoạt động của Công ty Tài chính còn tương đối ít và được thực hiện cách đây khá lâu, trước khi luật các Tổ chức tín dụng 2010 ra đời, ví dụ:

- Luận văn thạc sỹ: Pháp luật về hoạt động của các công ty tài chính ở Việt Nam (2014) của Nguyễn Thu Hương.

- Khóa luận tốt nghiệp: Pháp luật về công ty tài chính thực trạng kiến nghị và đề xuất (2008) của Trịnh Việt Hà, Pháp luật về công ty tài chính thực trạng và hướng hoàn thiện (2008) của Nguyễn Thị Ngọc Hà ; Pháp luật về địa vị pháp lý của công ty tài chính và biện pháp bảo đảm thực hiện ở Việt Nam (2003) của Chu Hoàng Yến .

Vì vậy, có thể nói, đề tài của luận văn là một trong những đề tài đầu tiên nghiên cứu một cách hệ thống tổng quát về quy chế pháp lý Công ty Tài chính trong giai đoạn hiện nay.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *3.1. Mục đích*

Luận văn sẽ là luận chứng về mặt lý luận và thực tiễn để làm cơ sở cho quan điểm và giải pháp nhằm hoàn thiện quy chế pháp lý về Công ty Tài chính theo pháp luật các Tổ chức tín dụng ở Việt Nam trong thời gian tới, trong đó tập trung định hướng sửa đổi, bổ sung các quy định về Công ty Tài chính trong dự án Luật các Tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Đề xuất xây dựng ban hành để điều chỉnh về tổ chức và hoạt động Công ty Tài chính.

#### *3.2. Nhiệm vụ*

Với mục đích trên, luận văn có nhiệm vụ cơ bản sau đây:

- Hệ thống hóa và làm rõ thêm, đồng thời phân tích những vấn đề lý luận về Công ty Tài chính và quy chế pháp lý Công ty Tài chính;
- Phân tích, đánh giá thực trạng quy chế pháp lý về Công ty Tài chính theo pháp luật về các tổ chức tín dụng tại Việt Nam hiện nay;
- Đánh giá kết quả, tồn tại và hạn chế qua việc thực hiện quy chế pháp lý về Công ty Tài chính trong thời gian qua tại Việt Nam;
- Đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm hoàn thiện quy chế pháp lý về Công ty Tài chính tại Việt Nam trong thời gian tới.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### *4.1. Đối tượng nghiên cứu:*

Luận văn nghiên cứu quy chế pháp lý về Công ty Tài chính thông qua nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội ban hành và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành luật của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, các Bộ, Ngành có liên quan chủ yếu, trực tiếp điều chỉnh về tổ chức, hoạt động Công ty Tài chính và thực tiễn áp dụng các quy định đó tại Việt Nam.

### *4.2. Phạm vi nghiên cứu:*

Luận văn không nghiên cứu toàn bộ hệ thống pháp luật về Công ty Tài chính từ trước đến nay mà chỉ tập trung vào hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành còn hiệu lực điều chỉnh trực tiếp về Công ty Tài chính do các cơ quan Trung ương ban hành (Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, các Bộ- Cơ quan ngang bộ, ngành liên quan). Lấy dấu mốc nghiên cứu từ văn bản đầu tiên quy định chi tiết về Công ty Tài chính là Luật các Tổ chức tín dụng 1997 và Nghị định 79/2002/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết một số điều Luật các Tổ chức tín dụng 1997 về Công ty Tài chính

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### *5.1. Cơ sở lý luận*

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm, định hướng của Đảng, Nhà nước về hoàn thiện hệ thống pháp luật về các Tổ chức tín dụng nói chung và pháp luật về Công ty Tài chính nói riêng; định hướng sửa đổi Luật các Tổ chức tín dụng 2010.

### *5.2. Phương pháp nghiên cứu của đề tài*

Để giải quyết những vấn đề đặt ra, luận văn đã sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng trong môi trường thực tế, hiện đại và kết hợp với các phương pháp cụ thể như:



Phương pháp thu thập số liệu, thông tin; Phương pháp phân tích; Phương pháp chuyên gia và các phương pháp: so sánh, quy nạp, diễn dịch, thống kê. Cụ thể:

- Chương I: sử dụng phương pháp thống kê và phân tích, so sánh . Trong đó thống kê và phân tích các văn bản quy định chủ yếu điều chỉnh tổ chức, hoạt động của Công ty Tài chính để từ đó tìm ra khái niệm, đặc điểm của Công ty Tài chính, mối quan hệ giữa quy chế pháp lý Công ty Tài chính và pháp luật về các Tổ chức tín dụng. Trên cơ sở lý luận đó, sử dụng phương pháp so sánh một số mô hình Công ty Tài chính trên thế giới của các quốc gia đó. Đồng thời, cũng phân tích, đánh giá được tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ, khả thi của quy chế pháp lý Công ty Tài chính nói chung.

- Chương II: chủ yếu sử dụng phương pháp thu thập số liệu, thông tin, diễn dịch, quy nạp, so sánh để làm nổi bật thực trạng quy chế pháp lý Công ty Tài chính ở Việt Nam qua sự đánh giá về quá trình hình thành, phát triển quy chế qua các giai đoạn lịch sử. Qua đó chỉ ra được các Nội dung cơ bản quy chế pháp lý về Công ty Tài chính, bất cập, hạn chế, và nguyên nhân của các bất cập, hạn chế này.

- Chương III. chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích, trên cơ sở những lý luận, số liệu ở hai chương trước để đưa ra những đề xuất, giải pháp hoàn thiện quy chế pháp lý Công ty Tài chính phù hợp với thực tiễn.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Kết quả nghiên cứu của luận văn giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính- ngân hàng có cái nhìn tổng quan thực trạng pháp luật về Công ty Tài chính; Góp phần đề xuất với cơ quan có thẩm quyền các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về các Tổ chức tín dụng nói chung và pháp luật về Công ty Tài chính nói riêng.

Kết quả nghiên cứu của luận văn là tài liệu tham khảo để sửa đổi Luật các Tổ chức Tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành điều chỉnh về Công

ty Tài chính, làm tài liệu tham khảo cho học tập, nghiên cứu, giảng dạy đối với sinh viên, học viên ở các trường đào tạo về lĩnh vực tài chính- ngân hàng.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mục lục, mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn gồm ba chương:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận về Công ty Tài chính và Quy chế pháp lý Công ty Tài chính

Chương 2. Thực trạng quy chế pháp lý Công ty Tài chính ở Việt Nam

Chương 3. Đề xuất hoàn thiện quy chế pháp lý về Công ty Tài chính ở Việt Nam

## CHƯƠNG 1

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TY TÀI CHÍNH VÀ QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ CÔNG TY TÀI CHÍNH

### 1.1. Một số vấn đề lý luận về Công ty Tài chính

Trong những năm cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21 hoạt động của các Công ty Tài chính đã phát triển mạnh mẽ cùng với kỹ nguyên số hóa hoạt động tài chính tiền tệ. Tính ưu việt của các Công ty Tài chính này đã tạo nên một kênh dẫn vốn rất quan trọng đến các doanh nghiệp và thực tế cho thấy hoạt động của các Công ty Tài chính là một trong những nhân tố thúc đẩy trình độ phát triển thị trường tài chính tiền tệ ở các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển như Việt Nam.

Những chuẩn mực quốc tế đã và đang được thể chế hóa và áp dụng tại Việt Nam, kể từ khi Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật các Tổ chức tín dụng ra đời. Qua hai lần biên soạn và sửa đổi (Luật ngân hàng Nhà nước 1997, Luật các Tổ chức tín dụng 1997, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2010, Luật Các Tổ chức tín dụng 2010), hàng lang pháp lý cho hoạt động của Công ty Tài chính dần dần trở nên hoàn thiện và hợp lý trong tình hình phát triển của Việt Nam.

Mặc dù Ngân hàng thương mại là tổ chức trung gian tài chính mà chúng ta thường giao dịch nhất, nhưng không phải tất cả các tổ chức tài chính chỉ là các ngân hàng. Ở các nước trên thế giới, hoạt động giao dịch với các Công ty Tài chính như: để vay một món nợ trả dần, để mua một chiếc xe hơi, hay đơn giản là tham gia thị trường mua bán cổ phiếu từ lâu đã rất quen thuộc. Trong mỗi giao dịch này, chúng ta đang giao tiếp với các tổ chức tài chính phi ngân hàng. Trong nền kinh tế hiện đại, các tổ chức tài chính phi ngân hàng đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc khơi nguồn từ những người cho vay- từ người tiết kiệm đến người vay- những người chi tiêu y như một ngân hàng. Hơn thế, quá trình đổi mới tài chính đã tăng tính quan

trọng của tổ chức tài chính phi ngân hàng. Trong đó không thể không kể đến hoạt động của các Công ty Tài chính. Vậy Công ty Tài chính là gì? Đây là doanh nghiệp tài chính đặc thù hay doanh nghiệp thông thường được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp (Company Law)? Tôi sẽ giải trình trong đề tài này như sau:

### ***1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của Công ty Tài chính***

Khái niệm Công ty Tài chính: Theo Dự án từ điển Tiếng Việt thì tài chính là danh từ chỉ hoạt động quản lý thu chi, tiết kiệm, việc quản lý của cải xã hội tính bằng tiền nói chung. Còn thuật ngữ công ty theo Dự án từ điển Tiếng Việt thì được hiểu theo các nghĩa: là tổ chức kinh doanh do một hay nhiều người góp vốn để làm một công việc nhất định. Như vậy, theo cách hiểu đơn giản nhất thì Công ty Tài chính được hiểu là Tổ chức kinh doanh do một hay nhiều người góp vốn để cung cấp dịch vụ hoạt động quản lý thu, chi, quản lý của cải tính bằng tiền nói chung của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

Theo quy định tại khoản 1 và khoản Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 thì Công ty Tài chính được hiểu như sau: Công ty Tài chính là Tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trong đó, Tổ chức tín dụng phi ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng 2010, trừ các hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân và cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản của khách hàng. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác.

Luật các Tổ chức tín dụng 2010 cũng quy định: “Tổ chức không phải là tổ chức tín dụng không được phép sử dụng cụm từ hoặc thuật ngữ “tổ chức tín dụng”, “ngân hàng”, “công ty tài chính”, “công ty cho thuê tài chính” hoặc các cụm từ, thuật ngữ khác trong tên của tổ chức, chức danh hoặc trong các phần phụ thêm của tên, chức danh hoặc trong giấy tờ giao dịch hoặc quảng cáo của mình nếu việc sử dụng cụm từ, thuật ngữ đó có thể gây nhầm lẫn cho

khách hàng về việc tổ chức của mình là một tổ chức tín dụng.” Như vậy, thuật ngữ Công ty Tài chính được nhắc đến với tư cách là một loại hình doanh nghiệp đặc thù mà chỉ những doanh nghiệp có đủ những điều kiện theo quy định của pháp luật mới được sử dụng tên gọi này. Qua đó thấy được tầm quan trọng của công ty tài chính trong hệ thống các tổ chức tín dụng nói riêng và hệ thống doanh nghiệp nói chung.

Đặc điểm Công ty Tài chính: Hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng ở mỗi quốc gia cho nhiều bộ phận hợp thành, tùy thuộc vào đặc điểm tình hình của mỗi quốc gia mà mỗi bộ phận cấu thành lại có các vị trí và vai trò khác nhau. Công ty Tài chính là một bộ phận cấu thành nên hệ thống ngân hàng-tài chính của Việt Nam. Mặc dù được thành lập dưới nhiều hình thức khác nhau với tên gọi và phạm vi hoạt động chuyên biệt cụ thể nhưng đều nằm trong hệ thống các tổ chức tín dụng. Theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng 2010, Công ty Tài chính nổi bật những đặc điểm cơ bản sau:

*Thứ nhất*, Công ty Tài chính là một loại hình tổ chức trung gian tài chính có đối tượng kinh doanh trực tiếp là tiền tệ gần giống như Ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm... Trong đó tổ chức hoạt động của Công ty Tài chính được cho là gần gũi nhất với Ngân hàng Thương mại. Khác biệt lớn nhất giữa Công ty Tài chính và Ngân hàng Thương mại tại Việt Nam đó là Công ty Tài chính không được thực hiện chức năng trung gian thanh toán tiền tệ, mà thường tập trung vào các hoạt động: cấp tín dụng, nhận tiền gửi của tổ chức, đầu tư tài chính ... Theo ngôn ngữ pháp lý tại Luật Các tổ chức tín dụng 2010, thì Công ty Tài chính là một loại hình Tổ chức chức tín dụng; Trong đó, Tổ chức tín dụng được hiểu là doanh nghiệp thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động ngân hàng. Tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân (Công ty tài chính được xếp vào tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

*Thứ hai*, về bản chất và phạm vi hoạt động. Công ty tài chính là loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng, với chức năng là sử dụng vốn tự có vốn huy động và các nguồn vốn khác để cho vay, đầu tư; cung ứng các dịch vụ về tư vấn tài chính, tiền tệ và thực hiện một số dịch vụ khác theo quy định của pháp luật, nhưng không được làm dịch vụ thanh toán, không được nhận tiền gửi của cá nhân.

*Thứ ba*, về mức vốn pháp định, Công ty tài chính và ngân hàng đều thuộc ngành nghề kinh doanh yêu cầu mức vốn pháp định (mức vốn tối thiểu để được tổ chức thành lập và hoạt động), song vốn pháp định của Công ty Tài chính thường thấp hơn Ngân hàng thương mại. Ví dụ: Căn cứ Nghị định 10/2011/NĐ-CP ngày 26/01/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 về ban hành danh mục mức vốn pháp định của Tổ chức tín dụng, thì trong ngành ngân hàng, Công ty Tài chính với tư cách là Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có mức vốn pháp định yêu cầu là 500 (năm trăm) tỷ đồng (Ngân hàng thương mại là 3000 (ba nghìn) tỷ đồng).

*Thứ tư*, về loại hình tổ chức hoạt động, Công ty tài chính được thành lập theo hình thức công ty Trách nhiệm hữu hạn hoặc Công ty Cổ phần. Tùy vào thành phần góp vốn có thể phân chia thành Công ty Tài chính Nhà nước (Doanh nghiệp Nhà nước là Doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn) hoặc Công ty Tài chính “tư nhân”. Đặc điểm này quyết định đến hình thức tổ chức quản trị của Công ty Tài chính.

*Thứ năm*, về tính rủi ro, Công ty Tài chính kinh doanh ngành nghề tiềm ẩn nguy cơ rủi ro rất cao. Những tác động tích cực và tiêu cực của Công ty Tài chính nói riêng và các Tổ chức tín dụng khác nói chung đều có tính dây chuyền và làm ảnh hưởng đến toàn hệ thống. Chẳng hạn khi một Công ty Tài chính cho vay không thu hồi được dẫn tới tình trạng không thể thanh toán cho khách hàng tiền gửi khi đến hạn. Từ đó dẫn tới tâm lý mất tin tưởng vào hệ thống tài chính của khách hàng. Trường hợp xấu nhất, tiền gửi

bị rút hàng loạt tại các tổ chức tín dụng sẽ dẫn tới bất ổn nghiêm trọng cho nền kinh tế do mất khả năng thanh khoản.

*Thứ sáu*, về phạm vi hoạt động: Mặc dù có thể cùng có tên gọi là Công ty Tài chính nhưng không phải bất cứ Công ty Tài chính nào cũng được thực hiện các hoạt động kinh doanh giống nhau. Tại sao vậy? Xuất phát từ đặc điểm ngành nghề kinh doanh của Công ty Tài chính có tính rủi ro cao nên việc mỗi một Công ty Tài chính được thực hiện những hoạt động kinh doanh gì được kiểm soát rất chặt chẽ và phụ thuộc vào cấp phép của Ngân hàng Nhà nước. Nói cách khác, Công ty Tài chính sau khi đã thành lập chỉ được thực hiện những hoạt động kinh doanh có trong giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp.

Ví dụ: Điều 5 Nghị định 39/2014/NĐ-CP quy định:

*” Điều kiện chung để công ty tài chính thực hiện hoạt động ngân hàng quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng:*

*1. Hoạt động ngân hàng của công ty tài chính phải được ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng nhà nước cấp (Sau đây gọi tắt là Giấy phép).*

*2. Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động ngân hàng được ghi trong giấy phép.*

*3. Đối với các hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động ngoại hối, công ty tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.*

*4. Đáp ứng đầy đủ các điều kiện nghiệp vụ đối với hoạt động ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước quy định.” [4,79]*

Các hoạt động ngân hàng cơ bản của Công ty tài chính phải căn cứ vào giấy phép hoạt động cụ thể do Ngân hàng Nhà nước cấp cho mỗi Công ty Tài chính. Tùy vào từng thời kỳ cụ thể, phụ thuộc vào định hướng quản lý thị trường tài chính và kinh tế vĩ mô, Ngân hàng Nhà nước cấp phép theo các tiêu

chí khác nhau. Có thể cấp phép theo tiêu chí: hoạt động trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế, hoặc chỉ phân biệt về các nghiệp vụ... Tuy nhiên tựu chung lại có thể có một hoặc một số hoạt động sau:

- Nhận tiền gửi của tổ chức;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;
- Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng;
- Bảo lãnh ngân hàng;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác
- Phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

### ***1.1.2 Phân loại Công ty tài chính***

Công ty Tài chính là cấu thành tạo nên hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Công ty Tài chính là một loại hình trung gian tài chính. Cùng với các loại hình trung gian tài chính khác tạo ra hành lang điều chuyển vốn giữa những người có nhu cầu điều chuyển vốn sang những người có nhu cầu sử dụng vốn. Giống như ngân hàng thương mại, nguồn vốn chủ yếu của Công ty Tài chính đến từ hoạt động huy động vốn “nhàn rỗi” từ các tổ chức, cá nhân trong xã hội để cấp tín dụng. Quá trình tập hợp vốn và điều chuyển vốn là một bước quan trọng tạo nên “dòng chảy” tiền tệ trong nền kinh tế. Nguồn vốn của Công ty Tài chính từ hoạt động huy động tiền gửi có kỳ hạn hoặc phát hành chứng khoán nợ hay vay của các ngân hàng thương mại. Nguồn vốn này được dùng để cho vay sản xuất tiêu dùng, thực hiện nghiệp vụ phục vụ riêng



hay thuê mua. Bản thân Công ty Tài chính là một trung gian đầu tư, vì thế một trong những nội dung quan trọng của chúng hướng tới là tham gia các hoạt động đầu tư để thu lãi.

Căn cứ vào các tiêu chí phân loại khác nhau, có nhiều cách để phân loại Công ty Tài chính. Nếu căn cứ vào mục tiêu hoạt động kinh doanh, Công ty Tài chính (ở góc độ kinh tế) có thể được phân loại thành ba loại hình chủ yếu:

- Các Công ty Tài chính tiêu dùng: cung ứng phần lớn vốn cho các cá nhân, gia đình phục vụ mục đích mua sắm tiêu dùng. Hầu hết các khoản vay được trả góp theo kỳ. Thông thường, các khoản vay này thường có giá trị nhỏ, lãi suất cao hơn lãi suất cho vay thị trường.

- Các Công ty Tài chính bán hàng: Cung cấp tín dụng gián tiếp cho người tiêu dùng để mua sắm các loại hàng này do Công ty mẹ sản xuất hay một nhà sản xuất nào đó bán ra. Các Công ty này mua lại khoản nợ của người mua hàng, từ người bán hàng và thu nợ từ người mua hàng. Mô hình Công ty Tài chính dạng này đã phổ biến ở các nước phát triển từ rất lâu nhưng gần đây mới phát triển nở rộ ở Việt Nam, thường thấy xuất hiện tại các cửa hàng, siêu thị nội thất, đồ điện tử (điện thoại, máy tính, điều hòa nhiệt độ...).

- Công ty Tài chính- thương mại: Loại hình này mua những khoản tiền phải thu hoặc chiết khấu các khoản phải thu của doanh nghiệp. Các khoản phải thu này là vốn lưu động phí dịch vụ chưa thu tiền. Ngoài các cách này, Công ty Tài chính còn cung cấp các dịch vụ tài chính khác như: Tư vấn tài chính, thu xếp vốn, quản lý ủy thác & cho vay lại, cho thuê tài chính, tín dụng ...

Theo pháp luật Việt Nam hiện quy định các loại hình Công ty Tài chính thành 02 loại cơ bản là Công ty Tài chính Tổng hợp và Công ty Tài chính chuyên ngành, cụ thể như sau:

- Công ty Tài chính tổng hợp: là công ty tài chính được thực hiện các hoạt động quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Nghị định hướng dẫn thi hành.

- Công ty tài chính chuyên ngành gồm: Công ty Tài chính bao thanh toán, Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng, Công ty cho thuê tài chính; Trong đó:

+ Công ty tài chính tiêu dùng là công ty tài chính chuyên ngành hoạt động trong lĩnh vực tín dụng tiêu dùng.

+ Công ty cho thuê tài chính là công ty tài chính chuyên ngành hoạt động chính là cho thuê tài chính

+ Công ty tài chính bao thanh toán là công ty tài chính chuyên ngành, hoạt động chính trong lĩnh vực bao thanh toán

### ***1.1.3. Công ty Tài chính ở một số quốc gia trên thế giới***

Có thể nói sự ra đời của các trung gian tài chính, trong đó có Công ty Tài chính là một tất yếu khách quan của nền kinh tế thị trường, nó tồn tại và hoạt động tuân theo các quy luật của nền kinh tế với chức năng luân chuyển và điều tiết vốn từ nơi thừa đến nơi thiếu.

Trên thế giới, ở các nước tư bản, các Công ty Tài chính xuất hiện rất sớm và phát triển với tốc độ nhanh chóng. Cùng với sự ra đời này, pháp luật các nước đều có những quy định pháp lý làm nền tảng cho các Công ty Tài chính tồn tại và hoạt động.

Ở Thụy Điển, các Công ty Tài chính được thành lập từ giữa năm 1960 phát triển mạnh vào những năm 1970 và hiện nay Công ty Tài chính là một trong những nhân tố quan trọng thực hiện chính sách tín dụng của Nhà nước. Ngay từ khi nền kinh tế đòi hỏi sự ra đời của các Công ty Tài chính các nhà lập pháp Thụy Điển cũng đã có ngay các quy định pháp luật quy định chức năng hoạt động cũng như phạm vi hoạt động của nó.

Ở Nhật Bản, các Công ty Tài chính được hình thành từ giữa những năm 1950 nhằm hỗ trợ vốn cho các cơ sở kinh doanh nhỏ và đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ cho lợi ích tiêu dùng của người dân Nhật Bản. Cho tới nay đã có hàng loạt các Công ty Tài chính ra đời, nhiều công ty đã nổi lên và chiếm các vị trí quan trọng trong hệ thống các tổ chức tài chính Nhật Bản, chi phối hoạt

động của nhiều lĩnh vực kinh tế, không những trong phạm vi đất nước Nhật Bản mà còn vươn ra thế giới với tư cách là những tập đoàn tài chính khổng lồ. Cùng với sự phát triển của Công ty Tài chính thì sự điều chỉnh của pháp luật đối với công ty tài chính ngày càng hoàn thiện hơn.

Ở Hoa Kỳ tồn tại 3 dạng Công ty Tài chính được phân theo các hoạt động chức năng của chúng, bao gồm:

- Công ty Tài chính bán hàng thực hiện các món cho vay cho những người tiêu dùng để mua những hàng hoá từ một nhà bán lẻ hoặc từ một nhà sản xuất riêng.

- Công ty Tài chính người tiêu dùng thực hiện các món cho vay để người tiêu dùng mua sắm các hàng hóa tiêu dùng như nhà cửa, xe cộ... và để giúp thanh toán các khoản nợ nhỏ. Các Công ty Tài chính này có thể là các công ty riêng biệt hoặc thuộc sở hữu của ngân hàng. Nói chung người tiêu dùng thường vay tại Công ty Tài chính này với mức lãi suất cao khi họ không thể có được khoản tín dụng từ các nguồn khác.

- Công ty Tài chính kinh doanh cấp các khoản tín dụng đặc biệt cho các doanh nghiệp bằng cách mua lại những khoản tiền mà doanh nghiệp sẽ thu (các khoản nợ) có triết khấu. Việc cấp tín dụng này được gọi là bao thanh toán. Bên cạnh 3 loại hình Công ty Tài chính này còn có các Công ty Tài chính thuộc sở hữu ngân hàng. Loại hình này ra đời sau nhưng có ảnh hưởng lớn đến toàn bộ nền tài chính Mỹ.

Ở Việt Nam, so với hệ thống Ngân hàng thì Công ty Tài chính là một hình thức trung gian tài chính khá mới mẻ. Sự ra đời hệ thống ngân hàng tại Việt Nam được đánh dấu bằng sắc lệnh số 15/SL ngày 06/5/1951 do Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ký. Kể từ khi thành lập, trải qua nhiều giai đoạn phát triển, tới nay hệ thống Ngân hàng đã được phân chia thành Ngân hàng Nhà nước với chức năng quản lý điều tiết nền kinh tế tiền tệ và các Ngân hàng chuyên doanh khác. Trong khi đó, Công ty Tài chính chỉ mới được chính

thức thừa nhận thông qua Pháp lệnh ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và Công ty Tài chính do Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 24/5/1990. Theo đó “Công ty tài chính, công ty quốc doanh hoặc cổ phần hoạt động chủ yếu là cho vay để mua bán hàng hóa dịch vụ bằng nguồn vốn của mình hoặc vay trong dân cư”. Cũng giống Công ty Tài chính của các nước trên thế giới, Công ty Tài chính ở Việt Nam cũng được hình thành dưới tác động của điều kiện kinh tế thị trường. Nghị quyết Đại hội Đảng VI (1986) đã mở ra hướng đi mới cho toàn nền kinh tế nước ta; chuyển từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường, đa dạng hóa các hình thức sở hữu và khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển. Từ đó một trong những vấn đề mới nảy sinh là sự gia tăng quá trình điều tiết lượng vốn tiền tệ từ khu vực phi sản xuất vào khu vực sản xuất cũng như giữa các khu vực sản xuất với nhau.

Như vậy có thể thấy tùy đặc điểm và tình hình nền kinh tế mỗi nước mà các Công ty Tài chính có thể mang các tên gọi khác nhau, với phạm vi hoạt động khác nhau song chúng vẫn hoạt động với mục đích chính là luân chuyển, khơi thông dòng vốn, thúc đẩy vòng chu chuyển và tăng hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế.

## **1.2. Quy chế pháp lý về Công ty Tài chính**

### ***1.2.1. Khái niệm, đặc điểm quy chế pháp lý về công ty tài chính***

Dưới góc độ luật học thì quy chế pháp lý là hệ thống pháp luật bao gồm các quy phạm (quy tắc hành vi hay quy tắc xử sự) có tính chất bắt buộc chung và được thực hiện lâu dài nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí nhà nước và được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp tổ chức, giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế bằng bộ máy nhà nước. Pháp luật là công cụ để nhà nước thực hiện quyền lực và là cơ sở pháp lý cho đời sống xã hội có nhà nước. Quy chế pháp lý luôn gắn với một hoặc một số đối tượng điều chỉnh cụ thể, tổng hợp

các quy định của pháp luật quy định về khái niệm, tổ chức, hoạt động của một hoặc một số đối tượng điều chỉnh.

Quy chế pháp lý về Công ty Tài chính được hiểu là tổng hợp các quy định của pháp luật (tại Việt Nam) điều chỉnh về đối tượng là Công ty Tài chính. Bản chất của nó là hệ thống các văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh về tổ chức, quản lý và hoạt động của Công ty Tài chính, được thực hiện bằng các biện pháp tổ chức, giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế bằng bộ máy tổ chức nhà nước. Quy chế pháp lý về Công ty Tài chính nằm trong pháp luật về các Tổ chức tín dụng bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật từ Luật đến các văn bản dưới luật. Nó tạo thành một hệ thống tổng thể các văn bản từ Trung ương tới địa phương. Nội dung Quy chế pháp lý về Công ty Tài chính quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể Công ty Tài chính. Hiện nay quy chế pháp lý về Công ty Tài chính được thể hiện tập trung chủ yếu ở các văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực thi hành sau:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014

- Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 16/06/2010.

- Nghị định số 39/2014/NĐ-CP do chính phủ ban hành ngày 07/05/2014 về hoạt động của Công ty Tài chính.

- Thông tư 30/2015/TT-NHNN do ngân hàng nhà nước ban hành ngày 25/12/2015 quy định về việc cấp phép, tổ chức hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Thông tư 36/2014/TT-NHNN do ngân hàng nhà nước ban hành ngày 20/11/2014 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

Và các văn bản khác có liên quan đến lĩnh vực tài chính, kinh doanh tiền tệ. Xét trên phương diện nguồn luật trong nước điều chỉnh về tổ chức hoạt động của Công ty Tài chính, thì ở Việt Nam có thể khái quát thành 02 nguồn chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, là nguồn luật chung (luật gốc) như: Bộ luật dân sự, Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp... Các văn bản này điều chỉnh về Công ty Tài chính với tư cách pháp luật chung điều chỉnh về các loại hình doanh nghiệp, các giao dịch tài chính, các giao dịch thương mại thông thường. Ví dụ:

+ Đối với hoạt động thế chấp, cầm cố, ký quỹ, đặt cọc... là hoạt động nhận tài sản bảo đảm truyền thống của các Công ty Tài chính trong kinh doanh tiền tệ được quy định chi tiết khái niệm, quy định chung trong Bộ luật dân sự 2005.

+ Đối với mô hình tổ chức hoạt động: Công ty tài chính có thể được thành lập dưới dạng Công ty cổ phần hoặc Công ty trách nhiệm hữu hạn. Điều 6 khoản 3 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 quy định: “Tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn”. Vì vậy, mô hình tổ chức hoạt động cơ bản phải đảm bảo tuân thủ theo luật doanh nghiệp

*Thứ hai*, các nguồn luật chuyên ngành bao gồm chủ yếu: Luật Các tổ chức tín dụng, luật thương mại, luật đầu tư, luật kinh doanh bất động sản ... Trong đó Luật Các tổ chức tín dụng đóng vai trò nòng cốt chi đạo với tư cách là luật chuyên ngành điều chỉnh trực tiếp hoạt động của Công ty Tài chính

### ***1.2.2. Vị trí của quy chế pháp lý Công ty Tài chính trong hệ thống pháp luật về tài các TCTD Việt Nam.***

*Thứ nhất*, quy chế pháp lý về Công ty Tài chính là một bộ phận của pháp luật về các Tổ chức tín dụng, nằm trong hợp phần pháp luật về Tổ chức tín dụng phi ngân hàng tạo thành hệ thống pháp luật Tổ chức tín dụng. Mặt khác, Công ty Tài chính có quan hệ biện chứng với hoạt động tài chính- ngân

hàng. Cho nên pháp luật về Công ty Tài chính chính là công cụ hỗ trợ cho các quy định về hoạt động và đảm bảo an toàn trong ngành ngân hàng.

*Thứ hai*, quy chế pháp lý về Công ty Tài chính tạo cơ sở pháp lý và có vai trò định hướng cho việc thực hiện các hoạt động của Công ty tài chính với tư cách là một định chế song hành cùng các Ngân hàng thương mại trong hệ thống tài chính Việt Nam.

*Thứ ba*, cùng với các quy định pháp luật khác trong hệ thống pháp luật về các Tổ chức tín dụng, quy chế pháp lý về Công ty Tài chính là công cụ, phương tiện để cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động tài chính- ngân hàng thực hiện chức năng, nhiệm vụ về hoạt động Công ty Tài chính, nâng cao ý thức pháp luật của các định chế tài chính, của người dân trong việc ổn định nền kinh tế, xây dựng và phát triển một nền tài chính chuyên nghiệp, hiện đại, ổn định và bền vững góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển, bảo vệ kinh tế đất nước.

Mối quan hệ giữa quy chế pháp lý về công ty tài chính với pháp luật về các tổ chức tín dụng: Công ty Tài chính là một hình thức định chế tài chính tồn tại cùng với các định chế tài chính khác như: ngân hàng thương mại, công ty cho thuê tài chính ... cấu thành nên các Tổ chức tín dụng tại Việt Nam, có mối quan hệ biện chứng. Muốn hoạt động Công ty Tài chính bền vững, đòi hỏi phải có hành lang pháp lý vững chắc, đầy đủ và đảm bảo đồng bộ hóa, thống nhất với các định chế tài chính khác. Để hệ thống các Tổ chức tín dụng được vận hành chuyên nghiệp, ổn định, tin cậy thì hoạt động Công ty Tài chính phải đảm bảo hợp lý nhuần nhuyễn với các định chế tài chính khác. Nếu Công ty Tài chính phát triển quá nhanh, quá nóng, không đủ các quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn, phương thức quản lý, hạn chế rủi ro sẽ dẫn đến sự mất cân bằng của cả hệ thống tài chính ngân hàng. Ngược lại nếu chỉ vì mục đích bảo vệ sự ổn định, không dám phát triển về quy mô, số lượng, chất lượng sẽ không tạo thu nhập cho người dân, kìm hãm sự phát triển của hệ thống tài chính và dẫn tới toàn bộ kinh tế. Vì vậy, việc phát triển, quản lý Công ty tài

chính phải hài hòa giữa phát triển về quy mô, số lượng, chất lượng với việc đảm bảo tỷ lệ an toàn, phương thức quản lý, hạn chế rủi ro.

Từ đó có thể thấy rõ pháp luật về Công ty Tài chính đưa ra những quy định nhằm điều chỉnh hoạt động Công ty Tài chính hợp lý sẽ tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc bảo vệ và phát triển hệ thống tài chính và các Tổ chức tín dụng. Ngược lại, các quy định của pháp luật chung về các Tổ chức tín dụng như tỷ lệ đảm bảo an toàn, phương thức quản lý, hạn chế rủi ro sẽ tích cực sẽ thúc đẩy cho hoạt động Công ty Tài chính phát triển. Đó là hai mặt của một vấn đề.

### ***1.2.3. Nội dung cơ bản của quy chế pháp lý về công ty tài chính***

Quy chế pháp lý về Công ty Tài chính hiện nay điều chỉnh về cơ cấu tổ chức, điều kiện thành lập, hoạt động của Công ty Tài chính, bao gồm những nội dung chính sau:

Thứ nhất, quy chế pháp lý Công ty Tài chính quy định về việc *thành lập, tổ chức, tổ chức lại, giải thể, phá sản, công ty tài chính*. Bất kỳ một chủ thể kinh doanh nào muốn tồn tại và hoạt động được cần phải có thủ tục khai sinh ra nó. Vì là một tổ chức kinh tế kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ nên các quy định về quy chế thành lập, cấp giấy phép hoạt động, giải thể, phá sản, thanh lý của Công ty Tài chính rất chặt chẽ và cụ thể. Trong đó quy định các điều kiện và thủ tục khi Công ty Tài chính thực hiện thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản, thanh lý và trách nhiệm pháp lý của Công ty Tài chính trong các tình huống này.

*Thứ hai*, quy chế pháp lý Công ty Tài chính quy định về *cơ cấu bộ máy tổ chức, quản trị điều hành Công ty Tài chính*: Tổ chức muốn hoạt động tốt cần có quy định cụ thể về tổ chức, quản trị điều hành và kiểm soát hoạt động của mình và Công ty Tài chính cũng không phải là một ngoại lệ. Trong đó quy định về cơ cấu các cơ quan, các yêu cầu về nhân sự và các biện pháp kiểm soát, hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Công ty Tài chính.



*Thứ ba, quy chế pháp lý Công ty Tài chính quy định các hoạt động của Công ty Tài chính, bao gồm:*

- Hoạt động huy động vốn: Công ty tài chính được thực hiện các hoạt động để huy động vốn sau đây: Nhận tiền gửi của tổ chức. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Hoạt động tín dụng: Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng; Bảo lãnh ngân hàng; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác; Phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán, cho thuê tài chính và các hình thức; Mở tài khoản;

- Hoạt động Góp vốn, mua cổ phần;

- Các hoạt động kinh doanh khác: tham gia thị trường tiền tệ, mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, Bảo lãnh phát hành trái phiếu, đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác, kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của Ngân hàng nhà nước, làm đại lý kinh doanh bảo hiểm, cung ứng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư, cung ứng dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản của khách hàng.

#### ***1.2.4. Các tiêu chí đánh giá quy chế pháp lý về Công ty Tài chính***

*Thứ nhất, tính hợp hiến, hợp pháp:* Tính hợp hiến, hợp pháp của pháp luật về Công ty Tài chính thể hiện trên hai mặt: hợp hiến, hợp pháp của các văn bản QPPL trong ngành (cả những văn bản trực tiếp điều chỉnh các quan hệ xã hội, các Tổ chức tín dụng và những văn bản khác liên quan đến ngành tài chính- ngân hàng) và hợp hiến, hợp pháp trong việc thực thi, thực hiện các quy định pháp luật của các cơ quan Nhà nước, tổ chức và công dân trong Công ty Tài chính.

*Thứ hai, tính thống nhất, đồng bộ:* Tiêu chí về tính thống nhất, đồng bộ của pháp luật về Công ty Tài chính bao gồm từ nội dung và thể thức của văn

bản QPPL trong hệ thống pháp luật về Công ty Tài chính đến việc tổ chức thực hiện nó. Tiêu chí này là cơ sở để đảm bảo tính thống nhất của quyền lực Nhà nước cả trong ý chí và cả trong việc tổ chức thực hiện. Về nội dung tiêu chí tính thống nhất, đồng bộ gắn liền với tiêu chí về tính hợp hiến, hợp pháp của những văn bản QPPL và việc thực hiện nó. Về hình thức tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về Công ty Tài chính liên quan đến trình tự, thời gian xây dựng, ban hành của cả hệ thống văn bản QPPL về Công ty Tài chính, từ luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, thông tư, chỉ thị, sự phối hợp và trình tự thực hiện các văn bản nói trên của các cơ quan Nhà nước và toàn xã hội.

Thứ ba, tính khả thi: Một hệ thống pháp luật có chất lượng thì phải bảo đảm tính khả thi, nghĩa là các quy định pháp luật phải có khả năng thực hiện được trong điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội hiện tại. Điều này đòi hỏi các quy định pháp luật phải được ban hành phù hợp với trình độ phát triển của đất nước ở mỗi thời kỳ phát triển nhất định. Nếu các quy định pháp luật được ban hành quá cao hoặc quá thấp so với các điều kiện phát triển của đất nước thì đều có ảnh hưởng đến chất lượng của pháp luật. Trong những trường hợp đó hoặc là pháp luật không có khả năng thực hiện được hoặc là được thực hiện không triệt để, không nghiêm, không phát huy hết vai trò tác dụng của nó trong đời sống xã hội. Tính khả thi của hệ thống pháp luật còn thể hiện ở việc các quy định pháp luật phải được ban hành đúng lúc, kịp thời đáp ứng những nhu cầu mà cuộc sống đang đặt ra, đồng thời phải phù hợp với cơ chế thực hiện và áp dụng pháp luật hiện hành. Khi ban hành pháp luật phải xem xét tới điều kiện về kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước có cho phép thực hiện được quy định hoặc văn bản pháp luật đó hay không, đồng thời phải tính đến các điều kiện khác như tổ chức bộ máy nhà nước, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức có cho phép thực hiện được không, dư luận xã hội trong việc tiếp nhận quy định hoặc văn bản pháp luật đó (ủng hộ hay không ủng hộ), trình độ văn hoá và kiến thức pháp lý của nhân dân... Pháp luật có chất lượng phải là

pháp luật đưa ra được phương án tốt nhất với phương pháp điều chỉnh pháp luật phù hợp nhất để thông qua đó có thể đạt được mục đích mong muốn trong những điều kiện kinh tế - xã hội hiện tại.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Chương 1 luận văn đã chỉ ra sơ lược quy chế pháp lý nói chung và quy chế pháp lý về công ty tài chính nói riêng; Đồng thời chỉ ra các đặc điểm Công ty Tài chính: Hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng ở mỗi quốc gia cho nhiều bộ phận hợp thành, tùy thuộc vào đặc điểm tình hình của mỗi quốc gia mà mỗi bộ phận cấu thành lại có các vị trí và vai trò khác nhau. Công ty Tài chính là một bộ phận cấu thành nên hệ thống ngân hàng- tài chính của Việt Nam. Mặc dù được thành lập dưới nhiều hình thức khác nhau với tên gọi và phạm vi hoạt động chuyên biệt cụ thể nhưng đều nằm trong hệ thống các tổ chức tín dụng

Qua đó đưa ra 03 tiêu chí đánh giá về Quy chế pháp lý công ty tài chính để làm cơ sở phân tích và kết luận ở các chương sau:

*Thứ nhất, tính hợp hiến, hợp pháp:* hợp hiến, hợp pháp của các văn bản QPPL trong ngành (cả những văn bản trực tiếp điều chỉnh các quan hệ xã hội, các Tổ chức tín dụng và những văn bản khác liên quan đến ngành tài chính- ngân hàng) và hợp hiến, hợp pháp trong việc thực thi, thực hiện các quy định pháp luật của các cơ quan Nhà nước, tổ chức và công dân trong Công ty Tài chính.

*Thứ hai, tính thống nhất, đồng bộ:* Về hình thức tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về Công ty Tài chính liên quan đến trình tự, thời gian xây dựng, ban hành của cả hệ thống văn bản QPPL về Công ty Tài chính, từ luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, thông tư, chỉ thị, sự phối hợp và trình tự thực hiện các văn bản nói trên của các cơ quan Nhà nước và toàn xã hội.

*Thứ ba, tính khả thi:* Pháp luật có chất lượng phải là pháp luật đưa ra được phương án tốt nhất với phương pháp điều chỉnh pháp luật phù hợp nhất để thông qua đó có thể đạt được mục đích mong muốn trong những điều kiện kinh tế - xã hội hiện tại.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG QUY CHẾ PHÁP LÝ CÔNG TY TÀI CHÍNH THEO PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG Ở VIỆT NAM

#### 2.1. Quy chế pháp lý về Công ty Tài chính ở Việt Nam qua các thời kỳ

Thực hiện chủ trương đổi mới toàn diện, sâu sắc và triệt để theo Nghị quyết Đại hội Đảng VI và các Nghị quyết Đại hội Đảng sau đó, công cuộc đổi mới đất nước được phát triển mạnh mẽ, nền kinh tế chuyển dần từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước và từng bước hội nhập kinh tế quốc tế.

Đây là giai đoạn thay đổi sâu sắc cả về chất và lượng về pháp luật các tổ chức tín dụng. Hệ thống văn bản pháp luật các tổ chức tín dụng ban hành được sự chỉ đạo thống nhất từ trung ương đến địa phương. Ngày 26/03/1988, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định 53/HĐBT với định hướng cơ bản là “chuyển hẳn hệ thống ngân hàng sang hoạt động kinh doanh XHCN”. Tổ chức bộ máy của Ngân hàng Nhà nước được kiện toàn để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ tín dụng, đồng thời làm chức năng ngân hàng “mẹ” của các ngân hàng; các ngân hàng chuyên doanh thực hiện nhiệm vụ kinh doanh tín dụng và dịch vụ ngân hàng.

Theo đó bốn ngân hàng chuyên danh được thành lập trên cơ sở chuyển và tách từ Ngân hàng Nhà nước, gồm: Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Phát triển nông nghiệp, Ngân hàng Đầu tư và xây dựng Việt Nam, Ngân hàng ngoại thương Việt Nam. Tháng 5/1990 Hội đồng bộ trưởng thông qua 2 Pháp lệnh ngân hàng, căn bản phù hợp với chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần của Đảng, Nhà nước.

Năm 1997, Quốc hội thông qua Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật Các Tổ chức tín dụng, tạo nền tảng pháp lý căn bản và mạnh mẽ hơn cho hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam hội nhập quốc tế. Trong đó Công ty Tài chính đặt cạnh ngân hàng với tư cách là một định chế tài chính- tổ chức

tín dụng. Năm 2010, tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XII thông qua Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các tổ chức tín dụng- sửa đổi thay thế hoàn toàn Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật Các tổ chức tín dụng 1997 và vẫn còn hiệu lực đến thời điểm này. Trên cơ sở đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành các Quyết định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng 2010 áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng nói chung và Công ty tài chính nói riêng và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của tổ chức tín dụng mà có thể kể đến như:

- *Nghị định 79/2002/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết về Công ty Tài chính theo luật các TCTD 1997*
- *Nghị định 39/2014/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết về Công ty Tài chính theo luật các TCTD 2010*
- *Thông tư 30/2015/TT-NHNN hướng dẫn về việc cấp phép tổ chức tín dụng phi ngân hàng*
- *Thông tư 30/2014/TT-NHNN quy định về hoạt động ủy thác, nhận ủy thác*
- *Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn TCTD*
- *Thông tư 14/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 30/2014/TT-NHNN ngày 06/11/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về ủy thác và nhận ủy thác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và bãi bỏ một số điều của Quy chế hoạt động bao thanh toán của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 1096/2004/QĐ-NHNN ngày 06/09/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*
- *Thông tư 15/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng*

- *Thông tư 16/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*
- *Thông tư 36/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc tổ chức lại tổ chức tín dụng\*
- ...

## **2.2. Thực trạng quy chế pháp lý của Công ty Tài chính theo pháp luật các tổ chức tín dụng Việt Nam**

### **2.2.1. Về việc thành lập, tổ chức, tổ chức lại, giải thể, phá sản, công ty tài chính**

Trước đây theo quy định của Pháp lệnh Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng, Công ty Tài chính của Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 24/05/1990 thì quy trình thành lập một Công ty Tài chính ở nước ta gồm hai khâu tách biệt: cấp giấy phép thành lập và cấp giấy phép hoạt động. Để đơn giản hoá các thủ tục hành chính, tránh sự chồng chéo, phiền hà trong việc cấp giấy phép thành lập, giấy phép hoạt động cho các tổ chức tín dụng (trong đó có Công ty Tài chính), Điều 18 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép theo quy định của Luật này”.

Ngày 25/12/2015, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 30/2015/TT-NHNN quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có hiệu lực từ 08/02/2016. Thông tư được xây dựng trên tinh thần tiếp thu có chọn lọc những điều khoản quy định hợp lý tại Thông tư số 06; đồng thời bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng 2010, Nghị định 39/2014/NĐ-CP thay thế Nghị định 79/2002/NĐ-CP và thực tế hoạt động CTTC trong thời gian qua tăng tính công khai và minh bạch về thông tin, tăng tính thực tiễn của quy định. **Pháp luật hiện**

**hành trình tự thủ tục thành lập, cấp phép hoạt động đối với Công ty tài chính bao gồm các nội dung như sau:**

*Thứ nhất*, Về hình thức tổ chức và thời hạn hoạt động

- Hình thức tổ chức: Công ty tài chính trong nước được thành lập, tổ chức dưới các hình thức:

+ Công ty cổ phần do các cổ đông là tổ chức và cá nhân cùng góp vốn thành lập,

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do một ngân hàng thương mại Việt Nam làm chủ sở hữu hoặc Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do ngân hàng thương mại Việt Nam và doanh nghiệp Việt Nam góp vốn thành lập (trong đó một ngân hàng thương mại Việt Nam sở hữu ít nhất 30% tổng số vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng) hoặc các ngân hàng thương mại Việt Nam góp vốn thành lập.

+ Công ty tài chính liên doanh được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, bằng vốn góp của bên Việt Nam (gồm một hoặc nhiều ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam) và bên nước ngoài (gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài) trên cơ sở hợp đồng liên doanh.

+ Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do một tổ chức tín dụng nước ngoài làm chủ sở hữu hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do các tổ chức tín dụng nước ngoài góp vốn thành lập.

- Thời hạn hoạt động của Công ty tài chính được ghi trong Giấy phép, tối đa không quá 50 năm.

*Thứ hai*, điều kiện cấp Giấy phép

Công ty tài chính được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định. Vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng là vốn đã được chủ sở hữu thực

cấp hoặc vốn đã được các cổ đông, các thành viên góp vốn thực góp, được ghi trong Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và tối thiểu phải bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Theo danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng và Nghị định số 10/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 141/2006/NĐ-CP, thì các CTTC được cấp giấy phép thành lập và hoạt động phải có biện pháp bảo đảm có số vốn điều lệ thực góp hoặc được cấp tối thiểu tương đương mức vốn pháp định là 500 tỷ đồng.

- Chủ sở hữu của CTTC là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập hoặc thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có đủ khả năng tài chính để góp vốn.

Tùy từng loại hình chủ sở hữu CTTC, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập phải đảm bảo tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 11 và khoản 2, 3, 4, 5 Điều 12 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN. Theo các quy định nêu trên, điều kiện để thành lập mới Công ty tài chính được nâng cao hơn nhiều so với trước, đặc biệt đối với cổ đông sáng lập là các ngân hàng thương mại. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong đó có Công ty tài chính xin cấp phép thành lập mới tối thiểu phải có 2 cổ đông sáng lập là tổ chức. Các cổ đông sáng lập phải cam kết hỗ trợ về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp tổ chức tín dụng phi ngân hàng khó khăn về vốn hoặc khả năng chi trả, thanh khoản. Cổ đông sáng lập tổ chức là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng) phải có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong 3 năm tài chính liền trước năm nộp hồ sơ xin cấp phép thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trước đây, theo quy định tại Quyết



định số 40/2007/QĐ-NHNN, điều kiện nói trên là doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu 200 tỷ đồng, tổng tài sản có 500 tỷ đồng; kinh doanh có lãi trong năm liền kề trước năm xin thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn, theo thông tư vừa ban hành, đối với thành viên sáng lập là doanh nghiệp Việt Nam, vốn chủ sở hữu tối thiểu phải là 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 3.000 tỷ đồng trong 3 năm liền kề trước năm xin cấp phép.

Cũng theo quy định mới, cổ đông sáng lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng là ngân hàng thương mại Việt Nam thì phải có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định và quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định; không được vi phạm các giới hạn an toàn trong hoạt động; không bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 2 năm liền kề khi xin cấp phép.

- Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Luật các tổ chức tín dụng 2010.

- Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng. Hiện tại các văn bản dưới luật cũng không quy định nội dung này dẫn tới đối với các cơ quan quản lý nhà nước (Ngân hàng Nhà nước) cũng gặp khó khăn trong việc thẩm định Đề án thành lập, phương án kinh doanh của Công ty Tài chính khi không có những chuẩn mực cụ thể để có thể xác định như thế nào là phương án kinh doanh khả thi. Từ đó có thể dẫn đến tình trạng thẩm định không đạt kết quả cao, tùy tiện trong việc cấp giấy phép.

Đối với các công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài tuân thủ các điều kiện trên, còn phải đảm bảo các điều kiện đối với tổ chức tín dụng nước ngoài tham gia góp vốn, thành lập Công ty tài chính như sau:

- Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

- Hoạt động dự kiến xin phép thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

- Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có hoạt động lành mạnh, đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có, tình hình tài chính, các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

- Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài; bảo đảm các tổ chức này duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn của Luật các tổ chức tín dụng.

- Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài.

*Thứ ba*, trình tự thủ tục cấp Giấy phép:

- Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 13, Điều 14, khoản 1, 2, 3 Điều 15, khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 16 Thông tư 30/2015/TT-NHNN và gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy

đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị yêu cầu bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ban trụ bị lập các văn bản bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 15, khoản 7 Điều 16 Thông tư 30/2015/TT-NHNN và gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

Có thể thấy Thông tư 30/2015/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ra đời đã quy định khá cụ thể rõ ràng, cụ thể về hồ sơ, trình tự, thủ tục để thực hiện cấp Giấy phép đối với Công ty tài chính so với trước đây.

*Thứ tư, cấp đổi, bổ sung Giấy phép:*

Ngân hàng Nhà nước chỉ thực hiện cấp đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung hoạt động mà Công ty tài chính được phép thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp đổi, bổ sung. Công ty tài chính có nhu cầu cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép lập hồ sơ theo quy định tại Điều 19 Thông tư 30/2015/TT-NHNN gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc cấp đổi Giấy phép bao gồm cả nội dung cấp bổ sung theo đề nghị cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, Công ty Tài chính phải:

- Thực hiện thủ tục với cơ quan đăng ký kinh doanh về những thay đổi của Giấy phép theo quy định của pháp luật.

- Công bố những thay đổi của Giấy phép trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép.

- Thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung Giấy phép cấp đổi, cấp bổ sung và thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Thông tư 30/2015/TT-NHNN.

Các quy định về trình tự thủ tục cấp đổi, bổ sung Giấy phép đối với Công ty tài chính ra đời trên bối cảnh khi mà hàng loạt các Công ty tài chính trước đây được cấp phép thành lập và hoạt động theo Nghị định 79/2002/NĐ-CP và mẫu Giấy phép cũ với nhiều nội dung, phạm vi hoạt động đã lỗi thời so với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng 2010. Bên cạnh đó, các Công ty tài chính chưa có hành lang pháp lý khi thực hiện cấp đổi, bổ sung Giấy

phép mà đều phải dựa trên các cơ sở quy định về thủ tục, hồ sơ đối với của Ngân hàng thương mại.

*Thứ năm*, Quy định về tổ chức lại, giải thể và phá sản Công ty tài chính

- Tổ chức lại Công ty tài chính: Tổ chức lại Công ty tài chính là tái cấu trúc lại Công ty tài chính (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi doanh nghiệp) sao cho phù hợp hơn với mục tiêu Công ty tài chính hướng tới. Trong hoạt động ngân hàng của Công ty tài chính là hoạt động nhạy cảm, chịu nhiều rủi ro có thể phát sinh, do vậy cần sự quản lý chi phối của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp cũng là 1 trong những biện pháp quan trọng để CTTC hoạt động có hiệu quả hơn hoặc phát triển hơn, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường phù hợp với xu thế phát triển chung của hệ thống ngân hàng.

Giải thể Công ty tài chính: Giải thể Công ty tài chính nói chung và giải thể doanh nghiệp nói riêng là việc chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp theo ý chí của doanh nghiệp hoặc cơ quan có thẩm quyền với điều kiện doanh nghiệp phải đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng 2010, Công ty tài chính giải thể trong các trường hợp sau đây

- Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;

- Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;

- Bị thu hồi Giấy phép.

Các trường hợp giải thể Công ty tài chính theo Luật các tổ chức tín dụng hiện hành được quy định khá tương đồng với pháp luật về doanh nghiệp, tuy nhiên trong trường hợp Công ty tài chính không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật mà không làm thủ tục chuyển đổi

loại hình doanh nghiệp (điểm c, khoản 1 Điều 201 Luật doanh nghiệp 2014), lại chưa được các nhà làm luật quy định cụ thể. Như vậy, trong trường hợp tổ chức tín dụng nói chung và công ty tài chính nói riêng không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu mà không làm các thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có thuộc đối tượng thực hiện giải thể doanh nghiệp theo luật các tổ chức tín dụng hay không, hay sẽ áp dụng các quy định pháp luật doanh nghiệp. Đây cũng là vấn đề pháp luật cần quy định cụ thể hơn.

- Phá sản Công ty tài chính

Trình tự thủ tục phá sản đối với Công ty tài chính sẽ được thực hiện theo các quy định Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật phá sản năm 2014, cụ thể như sau:

- Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà CTTC vẫn mất khả năng thanh toán, thì CTTC đó hoặc một số chủ thể khác có quyền và làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

Xuất phát từ hoạt động của CTTC là nhiều rủi ro, những đổ vỡ của các CTTC có thể gây ra những khó khăn cho nền kinh tế, gây ra sự phá sản hàng loạt, nên trong quá trình hoạt động của mình, CTTC phải chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước bằng pháp luật. Kiểm soát đặc biệt đối với các CTTC là một thủ tục tiền phá sản CTTC. Đây là một quá trình mà các CTTC bị rơi vào tình trạng khó khăn về tài chính được đặt vào dưới sự kiểm soát trực tiếp của ngân hàng trung ương khi các CTTC này lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, mất khả năng thanh toán. Kết quả của kiểm soát đặc biệt có thể đưa các CTTC bị mất khả năng thanh toán, mất khả năng chi trả ra khỏi các tình trạng khó khăn. Trong trường hợp này, thủ tục phá sản chính thức sẽ không được thực hiện. Tuy vậy, không thể nói rằng thủ tục tiền phá sản như

vậy không phải là một giai đoạn trong thủ tục phá sản các CTTC mà thực chất, thủ tục kiểm soát đặc biệt khi CTTC bị lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, mất khả năng chi trả là một thủ tục cần thiết và không thể thiếu được trong quá trình phá sản các CTTC. Chính vì vậy, thủ tục kiểm soát đặc biệt - với tính chất là một thủ tục bắt buộc trong giải quyết tình trạng phá sản các CTTC - là một thủ tục đặc biệt và đây là quy định có tính đặc thù trong giải quyết phá sản CTTC.

Luật các tổ chức tín dụng 2010 chỉ quy định trách nhiệm đối với các TCTD trong đó CTTC có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu thủ tục phá sản, tuy nhiên lại không đề cập đến các quyền của các chủ thể khác. Điều 98, Luật phá sản 2014 quy định: “...những người sau đây có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản:

1. Người quy định tại các khoản 1, 2, 5 và 6 Điều 5 của Luật này;
2. Tổ chức tín dụng có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; trường hợp tổ chức tín dụng không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng đó.” [25,81]

Các thông tin trong giai đoạn kiểm soát đặc biệt thường là không công khai. Theo Điều 7 Thông tư 07/2013/TT-NHNN, các thông tin về kiểm soát đặc biệt đối với TCTD được NHNN công bố và “Thông đốc NHNN quyết định thời điểm, nội dung và hình thức công bố thông tin”. Như vậy, quy định về việc công bố thông tin về kiểm soát đặc biệt theo cách này đã hạn chế quyền tiếp cận thông tin của người có liên quan trong thủ tục phá sản TCTD.

- Khi nhận được yêu cầu mở thủ tục phá sản CTTC, Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản và áp dụng ngay thủ tục thanh lý tài sản của CTTC theo quy định của pháp luật về phá sản.

Ngày 19/6/2014, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 đã thông qua Luật phá sản (sửa đổi). Luật phá

sản 2014 được ban hành nhằm khắc phục các bất cập đã nảy sinh trong quá trình thực hiện Luật Phá sản 2004 và tạo lập cơ chế mới xử lý phá sản doanh nghiệp hiệu quả hơn, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan. Điểm mới cơ bản của Luật phá sản 2014 là đã luật hóa các quy định về phá sản tổ chức tín dụng (TCTD), xây dựng cơ chế xử lý phá sản phù hợp với các TCTD

### ***2.2.2 Về cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành, kiểm soát***

Công ty tài chính nói chung và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng nói riêng phải có cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với loại hình hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### ***- Cơ cấu tổ chức***

Cũng giống như ngân hàng thương mại và các TCTD khác, mô hình cơ cấu tổ chức của các Công ty Tài chính bao gồm trụ sở chính và đơn vị trực thuộc. Tùy theo loại hình hoạt động, sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, CTTC được thành lập:

- Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính;

- Chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.

Bộ máy giúp việc tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty tài chính bao gồm: văn phòng, các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ và các phòng giao dịch. Công ty Tài chính được thành lập công ty trực thuộc, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập để hoạt động dịch vụ tài chính, tiền tệ, môi giới, bảo hiểm, chứng khoán và tư vấn theo quy định của pháp luật.

Trước đây, cơ cấu tổ chức của Công ty tài chính chịu sự điều chỉnh của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 sửa đổi 2004, Nghị định 79/2002/NĐ-



CP, Quyết định 516/2003/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng và sau này là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Phù hợp với các quy định của pháp luật doanh nghiệp hiện hành, cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty tài chính được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc). Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty tài chính được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bao gồm Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

*- Quản trị điều hành, kiểm soát*

Tương tự như các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng và các doanh nghiệp khác, mô hình quản trị điều hành kiểm soát của Công ty tài chính cũng được phân định cụ thể, rạch ròi ở 03 bộ máy chính là bộ máy quản trị, bộ máy điều hành và bộ máy kiểm soát.

- Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh CTTC để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu.

Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên sử dụng con dấu của tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên có Thư ký để giúp việc cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quy định.

Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Hội

đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải thành lập Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động bao gồm cả cơ chế phán quyết đối với các ý kiến đề xuất của hai Ủy ban này. Mỗi Ủy ban phải có tối thiểu ba thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và các thành viên khác do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Điều lệ của Công ty tài chính. Một thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên chỉ được là Trưởng ban của một Ủy ban. Đối với Công ty tài chính cổ phần, Ủy ban quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị.

- Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.

- Tổng Giám đốc (Giám đốc): Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc thuê Tổng giám đốc (Giám đốc), trừ trường hợp Chủ sở hữu Công ty tài chính MTV bổ nhiệm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 66 của Luật các tổ chức tín dụng. Tổng giám đốc (Giám đốc) là người điều hành cao nhất của tổ chức tín dụng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

### ***2.2.3. Về hoạt động của Công ty tài chính***

Vốn là điều kiện tiên quyết để các doanh nghiệp duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, đồng thời là cơ sở để phân phối và đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh tế. Đối với CTTC, vốn còn là cơ sở nền tảng để tiến hành tổ chức mọi hoạt động kinh doanh. Thật vậy, với đặc trưng của CTTC là tổ chức kinh doanh loại hàng hoá đặc biệt trên thị trường tiền tệ và thị trường vốn thì vốn không còn đơn thuần là phương tiện kinh doanh mà nó còn là đối tượng

kinh doanh chính của CTTC, trực tiếp quyết định tới quy mô hoạt động kinh doanh của công ty. Như vậy, những CTTC có vốn lớn sẽ có nhiều thế mạnh trong kinh doanh, ngược lại những CTTC không có hoặc có ít vốn cũng đồng nghĩa với việc gặp nhiều khó khăn khi tiến hành kinh doanh. CTTC muốn mở rộng kinh doanh, thu được lợi nhuận, muốn tăng uy tín thì ngoài vốn ban đầu cần thiết, tức là đủ vốn điều lệ theo luật định thì phải thường xuyên quan tâm tới việc tăng trưởng vốn trong suốt quá trình hoạt động. Hoạt động huy động vốn của các Công ty tài chính nói riêng và các tổ chức tín dụng nói chung là một trong những hoạt động ngân hàng đặc thù, có liên quan đến lợi ích đông đảo của người dân trong xã hội, liên quan đến sự ổn định tiền tệ quốc gia, sự an toàn của hệ thống ngân hàng, sự ổn định và phát triển của nền kinh tế xã hội.

Điều kiện chung để công ty tài chính thực hiện hoạt động ngân hàng:

- Hoạt động ngân hàng của công ty tài chính phải được ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp (sau đây gọi tắt là Giấy phép).

- Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động ngân hàng được ghi trong Giấy phép.

- Đối với các hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động ngoại hối, công ty tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện nghiệp vụ đối với hoạt động ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Để được phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức, ngoài các điều kiện chung nói trên, công ty tài chính còn phải đáp ứng thêm các điều kiện sau: thời gian hoạt động tối thiểu, kết quả hoạt động, kinh doanh do Ngân hàng Nhà nước quy định; Phương án

phát hành giấy tờ có giá dài hạn phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua theo quy định của pháp luật.

Ngoài việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện nghiệp vụ đối với hoạt động ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước quy định, công ty tài chính được thực hiện hoạt động cho thuê tài chính khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Hoạt động ngân hàng của công ty tài chính phải được ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp (sau đây gọi tắt là Giấy phép).

- Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động ngân hàng được ghi trong Giấy phép.

- Có quy định nội bộ về quy trình, thủ tục, nguyên tắc nhận biết khách hàng để giám sát chặt chẽ, bảo đảm ngăn ngừa việc bị lạm dụng cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố và tội phạm khác. Công ty tài chính được thành lập và hoạt động trước ngày 25 tháng 6 năm 2014 được bổ sung hoạt động cho thuê tài chính khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện nói trên và có thời gian hoạt động tối thiểu, phương án hoạt động cho thuê tài chính do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Các hoạt động của Công ty Tài chính được quy định chi tiết tại Nghị định 39/2014/NĐ-CP các Điều , tập trung vào các hoạt động sau: hoạt động ngân hàng (cho vay, huy động vốn), phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức, Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài, vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn, Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng, . Bảo lãnh Ngân hàng, Bao thanh toán, Phát hành thẻ tín dụng, Cho thuê tài chính và các hoạt động khác như góp vốn mua cổ phần, tham gia thị trường tiền tệ.

Về cơ bản, đã có hành lang pháp lý cho các hoạt động chủ yếu của Công ty Tài chính, tuy nhiên mới chỉ dừng lại ở mức quy định về điều kiện cho các hoạt động này để thực hiện, các văn bản hướng dẫn các bước thực hiện chia tiết vẫn chưa có. Thực tế cho thấy nếu chỉ có khung pháp lý cơ bản mà chưa có các hướng dẫn đầy đủ từ các hoạt động nghiệp vụ thì rủi ro xảy ra trong hoạt động là điều hoàn toàn có thể xảy ra trong quá trình tác nghiệp. Ví dụ, về hoạt động mua bán trái phiếu, chưa có văn bản nào xác định, việc mua bán trái phiếu của Công ty Tài chính là việc mua bán để đầu tư, hưởng lợi từ lãi trái phiếu cuối kỳ khi đáo hạn hay việc mua “lướt sóng” của các tổ chức tài chính. Mặt khác trái phiếu là một loại chứng khoán nợ, vì vậy khi các tổ chức tài chính như công ty tài chính “lướt sóng” hưởng chênh lệch, đa số không quan tâm đến việc quản lý mục đích sử dụng vốn trái phiếu như đối với khoản cấp tín dụng, dẫn tới khi trái phiếu đến tay chủ sở hữu cuối cùng thì chủ sở hữu này cũng không có cơ sở để xác định đơn vị phát hành trái phiếu có sử dụng vốn đúng mục đích từ trước đến nay không. Đây vẫn là vấn đề còn nhiều băn khoăn của các tổ chức tín dụng như Công ty Tài chính.

Vì vậy để các Công ty Tài chính đang hoạt động có thời gian chuyển đổi về tổ chức và hoạt động phù hợp với pháp luật, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước sẽ cần quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật hoặc hướng dẫn những nội dung cần thiết khác trong Luật để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với Công ty Tài chính. Để triển khai thực hiện luật, Chính phủ, các Bộ, ngành hữu quan đã khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật, trong đó phải kể đến những văn bản quan trọng làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện về Công ty tài chính. Về cơ bản hầu hết các nội dung mà Quốc hội giao Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể để hướng dẫn thi hành luật trong lĩnh vực hoạt động của Công ty Tài chính đã được các cơ quan xây dựng, ban hành. Cùng với các văn bản theo hệ thống pháp luật về Công ty Tài chính được ban hành, nhiều văn

bản pháp luật mới được ban hành có liên quan như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở ... , và hàng loạt các văn bản hướng dẫn kèm theo. Văn bản cấp địa phương về cơ bản là không có do tính chất đặc thù của ngành tài chính, để đảm bảo hoạt động quy chuẩn và thống nhất, gần như Công ty Tài chính hoạt động theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. Ngoài trừ một số văn bản (chủ yếu của thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh- Nơi tập trung trụ sở chính của các Công ty Tài chính) đề nghị tuân thủ hoặc phối hợp trong các hoạt động chung của địa phương như phòng chống tội phạm tài chính, thực hiện các hoạt động xã hội. Cùng với các văn bản của Trung ương ban hành, văn bản địa phương ban hành là khung pháp lý cơ bản, là công cụ quản lý các hoạt động của Công ty Tài chính trên toàn quốc.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nêu trên đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các hoạt động của Công ty Tài chính, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập, và phát triển kinh tế đất nước trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Hiệu quả từ hệ thống pháp luật mang lại, không thể tính toán đơn thuần về mặt kinh tế mà có thể nói đã đạt được hiệu quả cao về kinh tế - xã hội và quan trọng nhất là đã tạo ra niềm tin và thay đổi nhận thức của nhân dân trong việc tuân thủ quy định pháp luật về Tổ chức tín dụng nói chung và pháp luật về Công ty tài chính

Bên cạnh các quy định đảm bảo quyền tự chủ trong kinh doanh Nhà nước còn ban hành các quy định pháp luật mang tính hạn chế và kiểm soát rất chặt chẽ đó là các quy định về các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của Công ty Tài chính. Bằng việc phân cấp các cơ quan, bộ phận quản lý, Nhà nước sẽ có những phương thức khác nhau để thanh kiểm tra các hoạt động của Công ty Tài chính. Là một pháp nhân Việt Nam có chế độ hạch toán độc lập các Công ty Tài chính cũng được pháp luật quy định về các chế độ tài chính hạch toán và công khai báo cáo tài chính như các tổ chức tín dụng khác.

Như vậy nội dung pháp luật về Công ty Tài chính hiện nay khá đầy đủ và chi tiết. Theo đó tạo nên một cơ sở pháp lý vững chắc cho các Công ty Tài chính suốt quá trình từ thành lập, hoạt động kinh doanh tới khi chấm dứt hoạt động.

### **2.3. Đánh giá thực trạng về quy chế pháp lý Công ty Tài chính**

#### ***2.3.1. Ưu điểm và những kết quả đạt được của quy chế pháp lý về Công ty Tài chính tại Việt Nam***

##### *2.3.1.1. Trong việc ban hành các quy định của các văn bản pháp luật về Công ty Tài chính*

\* Tính hợp Hiến, hợp pháp

Nhìn chung, các văn bản về lĩnh vực Công ty Tài chính được ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục luật định và đảm bảo tính hợp pháp và phù hợp với Hiến pháp và các văn bản cấp trên, như: Nghị định phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng; văn bản cấp Bộ phù hợp với văn bản cấp Chính phủ và với Luật Các tổ chức tín dụng

Một là, các văn bản pháp luật điều chỉnh lĩnh vực của Công ty Tài chính (các quy định trong Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành luật) được xây dựng trên cơ sở quy định của Hiến pháp và đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nội dung các văn bản pháp luật về Công ty Tài chính đã thể chế hóa được chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước trong các quy định cụ thể đối với hoạt động tài chính ngân hàng.

Hai là, các văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành về Công ty tài chính phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng – là cơ sở pháp lý cao nhất điều chỉnh về Công ty Tài chính. Sau khi Luật Các tổ chức tín dụng ra đời, Chính phủ ban hành nghị định để hướng dẫn thi hành các văn bản cấp trên. Đó là Nghị định số 39/2014/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động của Công ty Tài chính; Nghị định số 96/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng; Để hướng dẫn

các văn bản này và những nội dung của Luật Các Tổ chức tín dụng Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành.

Ba là, các văn bản về Công ty Tài chính được xây dựng và ban hành đúng trình tự, thủ tục, kỹ thuật lập pháp và thẩm quyền ban hành theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành (cơ quan được giao chủ trì soạn thảo trước khi trình ban hành văn bản đều gửi dự thảo văn bản lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, gửi có quan cơ thẩm quyền thẩm định văn bản....). Tính đến thời điểm này, chưa phát hiện văn bản pháp luật nào về Công ty Tài chính trái pháp luật.

\* Tính đồng bộ, thống nhất

Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản về Công ty Tài chính được thể hiện ở các mặt sau:

Một là, đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp từ Luật đến Nghị định và các văn bản hướng dẫn thi hành của Ngân hàng Nhà nước về Công ty Tài chính. Quốc hội đã ban hành Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH11 đã có hiệu lực. Theo đó chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành luật về Công ty Tài chính và hàng loạt các văn bản cấp Bộ hướng dẫn thi hành luật và hướng dẫn thi hành Nghị định cũng được ban hành. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi để nhanh chóng đưa Luật vào thực tiễn hoạt động của Công ty Tài chính, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Hai là, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về Công ty Tài chính thống nhất với các văn bản của các Bộ ngành khác có liên quan như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Chứng khoán ...

Ba là, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về Công ty Tài chính thống nhất, đồng bộ với các quy định của luật pháp và điều ước quốc tế. Việc



nội luật hóa các quy định của luật pháp quốc tế và điều ước quốc tế luôn được chú trọng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các quy định về Công ty Tài chính nói riêng và các tổ chức tín dụng nói chung tại Việt Nam. Pháp luật về Công ty Tài chính luôn đảm bảo tính tương thích và phù hợp với đặc thù thị trường tài chính ngân hàng của Việt Nam.

\* Tính khả thi

Mặc dù còn có những quy định về Công ty Tài chính chưa đảm bảo tính khả thi nhưng về cơ bản những quy định về Công ty Tài chính đã được thực hiện trong thực tế và đã điều chỉnh các hoạt động liên quan đến nền tài chính ngân hàng cho đến ngày hôm nay và có tác động tích cực đến nền kinh tế Việt Nam.

Thứ nhất, Các quy định về Công ty Tài chính luôn chú trọng các điều kiện để tổ chức hoạt động của Công ty Tài chính; quy định rõ những hành vi được phép thực hiện trong hoạt động của Công ty Tài chính để bảo vệ thị trường tài chính minh bạch ổn định; bảo đảm phát triển bền vững; quy định của Luật và các văn bản dưới luật đã góp phần chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường; bảo đảm an toàn cho tổ chức, cá nhân trong hoạt động tài chính; bảo vệ lợi ích quốc gia trong điều kiện kinh tế hội nhập;

Thứ hai, Đảm bảo cơ sở pháp lý để ban hành chính sách khuyến khích ngành tài chính: Chính sách đầu tư cho Công ty tài chính, Chính sách tổ chức, hoạt động, chuyển đổi mô hình: sát nhập, mua bán Công ty Tài chính

Thứ ba, Các quy định về những về Giấy phép hoạt động, về quản lý và đảm bảo tỷ lệ an toàn phòng ngừa rủi ro tài chính, về xử phạt vi phạm hành chính đã được thực hiện trong thực tế và đem lại hiệu quả cao trong công tác quản lý nhà nước. Những hành vi nguy hiểm cho hệ thống tài chính được giảm thiểu đáng kể như: tình trạng sở hữu chéo giữa các ngân hàng, công ty tài chính, tỷ lệ nợ xấu tiêu chuẩn dưới 3% trên tổng dư nợ cấp tín dụng

*2.3.1.2. Trong tổ chức thực thi các quy định về Công ty tài chính*

Các văn bản quy phạm pháp luật về Công ty Tài chính ra đời đã được các cơ quan chức năng tổ chức thực thi trong thực tế từ Trung ương tới địa phương.

Các cơ quan Trung ương chỉ đạo triển khai kịp thời và có hiệu quả các quy định được ban hành. Sau khi Luật Các tổ chức tín dụng 2010 ra đời, Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp với các cơ quan ban ngành khác có liên quan triển khai thực hiện. Ngân hàng Nhà nước cũng đã nhận được sự hợp tác, hỗ trợ của Chính phủ để hiện tại và chuẩn mực hóa hệ thống tài chính ngân hàng như ngày nay.

Các cơ quan địa phương đã tiến hành tổ chức các đợt tuyên truyền phổ biến các văn bản về pháp luật cho các tổ chức tài chính trong đó bao gồm cả Công ty Tài chính và Ngân hàng thương mại. Hình thức tổ chức tuyên truyền phong phú và đa dạng như tổ chức tọa đàm trao đổi kiến thức, tổ chức buổi giới thiệu tương tác trong việc giải thích pháp luật mỗi khi ban hành một thông tư hướng dẫn mới trong hoạt động của Công ty Tài chính góp phần định hướng đúng đắn ngay từ đầu của việc áp dụng các quy định pháp luật của các Công ty Tài chính. Việc nhân rộng mô hình trong cả nước đang được xem xét, tiến hành.

Theo kết quả Báo cáo tổng kết 5 năm thi hành pháp luật về tổ chức tín dụng, việc đưa luật vào cuộc sống thông qua các hình thức này thực sự có hiệu quả.

## **2.3.2. Bất cập, hạn chế của quy chế pháp lý về Công ty Tài chính tại Việt Nam**

### ***2.3.2.1. Bất cập, hạn chế ngay trong các quy định của các văn bản pháp luật về Công ty Tài chính***

\* Bất cập, hạn chế trong quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Nghị định 39/2014/NĐ-CP đối với Công ty Tài chính

- Thứ nhất, khái niệm Công ty Tài chính: Khái niệm Công ty Tài chính tại khoản 4 Điều 3 Luật Các tổ chức tín dụng hiện đang được cấu thành theo

cách “Công ty Tài chính là tổ chức tín dụng phi ngân hàng”. Rõ ràng với cách khái niệm này, vị trí và vai trò của Công ty Tài chính chưa được chú trọng. Luật Các tổ chức tín dụng đang vô hình chung đưa ngân hàng thương mại thành “trụ cột” của hệ thống các tổ chức tín dụng. Trong khi đó xét về bản chất: Công ty Tài chính, Ngân hàng thương mại, Công ty cho thuê tài chính ... đều là những định chế tài chính với các vị trí vai trò khác biệt cấu thành hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam. Cách quy định như vậy sẽ dẫn tới việc để tìm được khái niệm về Công ty Tài chính, người đọc phải tìm hiểu các khái niệm liên quan như: Ngân hàng là gì? Tổ chức tín dụng là gì? Gây khó khăn cho việc tra cứu cũng như áp dụng trên thực tiễn và không có cách hiểu chính thống trên văn bản pháp luật.

- Thứ hai, Về Giấy phép

Hiện nay, không chỉ đối với tổ chức tín dụng mà đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề có điều kiện đều tồn tại 02 loại giấy tờ pháp lý quan trọng là: Giấy phép thành lập doanh nghiệp do Sở kế hoạch & Đầu tư cấp và Giấy phép “con”- trong trường hợp này là Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước cấp cho Công ty Tài chính. Luật Các tổ chức tín dụng quy định “Tổ chức tín dụng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng.” (khoản 2 Điều 90 Luật Các Tổ chức tín dụng 2010). Như vậy, với tư duy mới trong quá trình xây dựng Luật Doanh nghiệp 2014, là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do sở kế hoạch và đầu tư cấp chỉ mang tính chất như “giấy khai sinh” của mỗi doanh nghiệp khi thành lập, còn nội dung hoạt động kinh doanh thực hiện theo pháp luật chuyên ngành thì rõ ràng cần một cơ chế phối hợp chặt chẽ hơn giữa Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch & Đầu tư và cơ quan cấp phép thuộc Ngân hàng Nhà nước để thống nhất các thủ tục hành chính và giấy tờ, để giảm tối đa gánh nặng cho doanh nghiệp khi tiến hành

đăng ký hoạt động. Quy định rõ cơ quan nào là cơ quan quản lý về việc cấp phép hoạt động, cơ quan nào là cơ quan cấp phép thành lập.

Về hoạt động phát hành thẻ tín dụng của Công ty Tài chính

Từ ngày 25/6/2014, các công ty tài chính sẽ được phép phát hành thẻ tín dụng như ngân hàng thương mại, nếu có lãi liên tục trong ít nhất hai năm liền kề... theo quy định Nghị định số 39/2014/NĐ-CP quy định về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính. Điểm nhấn tại Nghị định là các công ty tài chính sẽ được phép phát hành thẻ tín dụng như ngân hàng thương mại nếu đáp ứng điều kiện tại Nghị định. Theo đó, các công ty tài chính sẽ được phép phát hành thẻ tín dụng như ngân hàng thương mại, nếu có lãi liên tục trong ít nhất hai năm liền kề; tuân thủ các quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề trước năm được đề nghị bổ sung hoạt động. Ngoài ra, các công ty tài chính cũng phải đáp ứng các điều kiện khác như tỷ lệ nợ xấu dưới mức quy định của Ngân hàng Nhà nước và không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian một năm liền kề, tính từ thời điểm đề nghị bổ sung hoạt động trở về trước...Nghị định 39 là một bước tiến quan trọng trong việc siết chặt lại hoạt động của công ty tài chính, phân cách rạch ròi hoạt động của công ty tài chính với ngân hàng, đó là không được mở tài khoản, huy động vốn từ dân chúng, mà chỉ có thể phát hành trái phiếu hoặc những khoản vay dài hạn tại các nguồn khác. Việc cho phép công ty tài chính được phát hành thẻ tín dụng như ngân hàng thương mại đã làm tăng vị thế của công ty tài chính Việt Nam, để hệ thống tài chính có nhiều sự cạnh tranh hơn. Điều này là phù hợp với thông lệ quốc tế, khi các công ty tài chính không thuộc về ngân hàng, mà phần lớn thuộc về tập đoàn, công ty sản xuất hàng tiêu dùng như các hãng ô tô, xe máy...

Tuy vậy, sẽ rất quan ngại về rủi ro cho cả hệ thống khi các công ty tài chính được phát hành thẻ tín dụng, vì bản chất đây cũng một là hoạt động tín dụng. Nghị định 39/2014/NĐ-CP chưa đưa ra được cơ chế kiểm soát việc phát hành thẻ tín dụng của Công ty Tài chính và các điều kiện cụ thể về trình độ nhân lực, cơ sở vật chất. Trước thời điểm nghị định 39/2014/NĐ-CP ra đời, thị trường chứng kiến những biến tướng, “lách luật” của các Công ty Tài chính trong hoạt động huy động vốn và cho vay. Ví dụ, đối với hoạt động đầu vào, do không được phép huy động vốn dưới hình thức mở tài khoản cho các cá nhân, công ty tài chính đã mở dịch vụ quản lý cơ hội kinh doanh. Cụ thể, công ty tài chính nhận giữ hộ tiền của khách hàng, khi có cơ hội sẽ tiến hành cho vay nhân danh cá nhân đó. Thực chất, đây là biến tướng của hoạt động huy động vốn. Hay đối với hoạt động đầu ra, thay vì cho vay đúng mục đích dựa trên nghiệp vụ cho vay, nghiệp vụ cấp tín dụng thì các công ty tài chính đã có tiền lệ gửi tiền để mua cổ phiếu, trái phiếu... Đây là hoạt động cho vay biến tướng, có quy mô lớn, “lệch” ra ngoài mục tiêu hoạt động của công ty tài chính (là phục vụ nội ngành, cho vay tiêu dùng). Hoạt động đầu ra và đầu vào của công ty tài chính vượt ra ngoài giới hạn sẽ phát sinh rất nhiều vấn đề

Theo thông lệ quốc tế, các công ty tài chính không chỉ được phát hành thẻ tín dụng mà còn phát hành cả thẻ ghi nợ. Mặc dù công ty tài chính được thực hiện một số hoạt động ngân hàng, nhưng bị hạn chế về dịch vụ thanh toán, nên đi kèm với đó là hạn chế trong hoạt động huy động vốn ngắn hạn, không xác định thời hạn và cả huy động vốn trên thị trường liên ngân hàng. Bên cạnh đó, một tổ chức tài chính phải tuân thủ các hạn mức cho vay, giới hạn cấp tín dụng chung, mà với nguồn vốn không thể như ngân hàng, thì dù hoạt động dưới hình thức nào Nhà nước cũng hoàn toàn có thể kiểm soát được. Thực hiện đúng quy định thì rủi ro nếu có xảy ra cũng chỉ hữu hạn, bởi quy mô các công ty tài chính nhỏ, hình thức hoạt động vốn có thể kiểm soát được. Nhưng nếu hoạt động vượt ra khỏi khuôn khổ pháp luật, vay vốn trên

thị trường liên ngân hàng như một ngân hàng rồi rút vốn từ thị trường này... thì sẽ làm ảnh hưởng đến các ngân hàng khác.

Đó là với tiềm lực hiện nay của đa phần công ty tài chính, việc đầu tư cho hạ tầng công nghệ dịch vụ thẻ khá khó khăn. Rất có thể các công ty tài chính sẽ tận dụng hệ thống ATM hay POS của các ngân hàng và điều đó có thể dẫn đến hệ lụy là các công ty tài chính có thể phát hành thẻ ồ ạt, tạo sự cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường. Vì thế, NHNN cần kiểm soát chặt các công ty tài chính về số lượng thẻ được phát hành cũng như hạn mức tín dụng. Như vậy, Nghị định 39/2014/NĐ-CP đã tiếp cận và đưa hơi thở của thị trường thẻ giới đến với Công ty Tài chính, tuy nhiên lại bộc lộ những lỗ hổng trong cách quản lý và quá trình quản lý khi đưa ra một nội dung mới đối với Công ty Tài chính tại Việt Nam. Thực tiễn cho thấy mặc dù quy định đã có nhưng không có bất cứ Công ty Tài chính tại Việt Nam nào phát hành thẻ tín dụng. Phải chăng bản thân lãnh đạo các Công ty Tài chính cũng đã nhìn nhận được rủi ro gặp phải nếu dự định tham gia vào thị trường thẻ tín dụng, vốn trước kia là sân chơi riêng của các Ngân hàng thương mại lớn tại Việt Nam. Khi mà hành lang pháp lý cho quản lý và vận hành thẻ tín dụng đối với Công ty Tài chính còn hết sức sơ khai.

#### ***2.3.2.2. Bất cập, hạn chế trong việc tổ chức thực thi các quy định về Công ty Tài chính***

Một là, Luật Các tổ chức tín dụng quy định thời hạn hoạt động của Công ty Tài chính là 50 năm. Câu hỏi đặt ra là tại sao lại như vậy? Tiêu chí nào, căn cứ nào để đặt ra con số 50 mươi năm. Luật cũng không quy định Công ty Tài chính phải tổ chức giải thể nếu hết thời hạn 50 năm này. Vậy căn bản của quy định này nhằm mục đích gì và làm thế nào để tổ chức thực thi được “giấy phép 50 năm” là một vấn đề lớn đặt ra đối với các nhà làm luật. Mặc dù các Công ty Tài chính ở Việt Nam cũng mới được thành lập trong vòng 10 năm trở lại đây, tuy nhiên các Công ty Tài chính nước ngoài tham gia

vào thị trường Việt Nam như AIG, Prudential đã hoạt động trên 50 năm thậm chí hơn một 100 năm. Như vậy khi tham gia vào thị trường Việt Nam thì quy định này được áp dụng như thế nào, có tạo được ý nghĩa thực tiễn hay chỉ quy định chung chung. Vấn đề này cần phải được xem xét nghiêm túc trong quá trình sửa đổi bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn thi hành trong thời gian tới.

Hai là, Điều 93 Luật Các Tổ chức tín dụng quy định Công ty Tài chính phải ban hành các quy định nội bộ sau:

*“1. Căn cứ vào quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng phải xây dựng và ban hành các quy định nội bộ đối với các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh, phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp.*

*2. Tổ chức tín dụng phải ban hành các quy định nội bộ sau đây:*

- a) Quy định về cấp tín dụng, quản lý tiền vay để bảo đảm việc sử dụng vốn vay đúng mục đích;*
- b) Quy định về phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;*
- c) Quy định về đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;*
- d) Quy định về quản lý thanh khoản, trong đó có các thủ tục và các giới hạn quản lý thanh khoản;*
- đ) Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ chế kiểm toán nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động của tổ chức tín dụng;*
- e) Quy định về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;*
- g) Quy định về quản trị rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;*
- h) Quy định về quy trình, thủ tục, bao gồm cả nguyên tắc nhận biết khách hàng để bảo đảm ngăn ngừa việc tổ chức tín dụng bị lạm dụng cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố và tội phạm khác;*

*i) Quy định về phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp.*

*3. Tổ chức tín dụng phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước các quy định nội bộ tại khoản 2 Điều này ngay sau khi ban hành.” [25,81]*

Tuy nhiên trong tất cả các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước không có bất cứ văn bản nào quy định thế nào là các trường hợp khẩn cấp quy định khoản 2 điểm i điều này. Vậy tổ chức thực thi điều này trên thực tế như thế nào vẫn còn bỏ ngỏ. Mặt khác cách quy định tại khoản 3 cũng mang tính hình thức, không có cơ sở thực hiện vì: thứ nhất, Luật không nói rõ gửi các văn bản quy định nội bộ này là gửi lần đầu ban hành hay gửi cả các lần sửa đổi bổ sung nội dung, thứ hai không có quy định về cơ quan tiếp nhận và hình thức gửi các văn bản này là gửi bản cứng, bản mềm hay phương thức truyền dữ liệu khác. Quan trọng hơn nữa là Luật chưa quy định về trách nhiệm bảo mật an toàn thông tin khi Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận các văn bản này. Trong lĩnh vực tài chính tiền tệ, mỗi quy định, chính sách của các Tổ chức tín dụng khác nhau, dù là Công ty Tài chính hay Ngân hàng thương mại đều thể hiện chiến lược và phương thức kinh doanh cạnh tranh của mỗi đơn vị. Nếu việc bảo mật thông tin không được đảm bảo thì nguy cơ bất công bằng cạnh tranh là hoàn toàn có thể xảy ra trên thực tế. Chính vì vậy mặc dù đã có quy định nhưng cơ chế thực thi không quy định đầy đủ thì thực tiễn pháp luật vẫn không đến được với những đơn vị cần.

Ba là, Sự gia tăng quá nhanh và không có kiểm soát các Công ty Tài chính giai đoạn 2005-2010 đã góp phần làm suy yếu hệ thống các tổ chức tín dụng. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do yếu kém trong quản lý nhà nước. Do thiếu các quy hoạch chi tiết, thiếu các đánh giá thường niên về nhu cầu thị trường tài chính vì vậy thiếu cơ sở khoa học cho quy hoạch phát triển hệ thống các Công ty Tài chính. Mặt khác, do tổ chức và năng lực hoạt động của thanh tra chuyên ngành bị hạn chế nên chưa quản lý được các Công ty Tài chính có hoạt động đúng như nội dung ghi trong Giấy phép hay không, từ đó



giá trị của Giấy phép chưa thực sự đảm bảo, dẫn tới việc quản lý bị hạn chế theo. Số lượng giấy phép Công ty Tài chính được cấp hiện nay chưa xuất phát từ thực trạng thị trường.

Bốn là, Chưa có sự liên kết kịp thời giữa các hiệp định thương mại tự do trong lĩnh vực tài chính với hệ thống pháp luật nội bộ dẫn tới nguy cơ thiếu hụt, thiếu trang bị khi bước vào cạnh tranh ở trong và ngoài nước về tài chính. Hành lang pháp lý khi đầu tư ra nước ngoài của Công ty Tài chính gần như không có, không được quan tâm đúng mực

Năm là, Công tác điều tra, đánh giá và dự báo thị trường và nhu cầu tài chính còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ, các số liệu, cơ sở khoa học cho việc hoạch định chiến lược quy hoạch các Công ty Tài chính không tránh khỏi khó khăn.

Nguyên nhân chính của tình trạng này chủ yếu là do hạn chế nhận thức của các cơ quan quản lý, trong tình trạng luôn thiếu kinh phí dành cho nghiên cứu cơ bản, thiếu vốn đầu tư, đầu tư không đồng bộ, thiếu thiết bị, phương tiện, nhân lực cho công tác điều tra nghiên cứu, dự báo nguồn lợi.

Sáu là, nhận thức của tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành thực hiện các quy định về Công ty Tài chính còn kém. Mặc dù đã có quy định về các hoạt động cấm như cho vay đảo nợ, cho vay quá 150% lãi suất cơ bản ... tuy nhiên thực tế vẫn diễn ra dưới nhiều phương thức khác nhau mà các cơ quan quản lý không đủ nguồn lực để kiểm tra, đánh giá toàn diện.

### ***2.3.2.3 Tác động tiêu cực của các bất cập quy chế pháp lý về Công ty Tài chính đối với đời sống, kinh tế, xã hội.***

\* Một số bất cập, hạn chế trong các quy định về Công ty Tài chính đã dẫn đến sự sụp đổ của các Công ty Tài chính: do bị phá sản, sát nhập làm giảm lợi ích của hệ thống tài chính và làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế đất nước. 13 công ty tài chính trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước đang bơi trong khó khăn: Huy động giảm sút, trong khi nợ xấu đang tăng tới 80% chỉ trong 8 tháng đầu năm 2013. Từng được xem là “cánh tay” nối dài của các tập

đoàn kinh tế Nhà nước, nhưng thời hoàng kim đã qua đi, khi mà hoạt động cho vay ngoài ngành bị siết lại, cộng dồn với những khó khăn chung của cả nền kinh tế, khiến các công ty tài chính này đang chật vật để tồn tại. Nợ xấu cao gấp 3 lần mức bình quân của hệ thống ngân hàng trên địa bàn thành phố, ở mức 18%. 13 công ty tài chính trực thuộc các tập đoàn, các tổng công ty Nhà nước đang nắm giữ tới 18% tổng số nợ xấu của các tổ chức tín dụng tại TP.HCM. Trong khi số tiền cho vay ra, thông qua các công ty này chỉ chiếm một tỷ lệ vô cùng khiêm tốn: 1,6% tổng dư nợ, tương đương 14.600 tỷ đồng. Nghị định 79 của Chính phủ ban hành năm 2012 tạo hành lang pháp lý cho sự ra đời và hoạt động của các công ty tài chính. Được phép huy động vốn từ các nguồn tiền gửi có kỳ hạn 1 năm trở lên, tiếp nhận vốn ủy thác, đi vay, phát hành các loại giấy tờ có giá, được hoạt động tín dụng dưới nhiều hình thức, các công ty tài chính được ví von giống như một ngân hàng thương mại với nhiều nghiệp vụ rút gọn. Tuy nhiên, nghiệp vụ rút gọn dường như cũng đồng nghĩa với khung giám sát và đảm bảo an toàn trong hoạt động của các công ty tài chính, theo các chuyên gia thì dường như bớt khắt khe hơn. “Lý do là vì việc dễ dãi cho các tập đoàn mở các công ty tài chính và cũng dễ dãi để các công ty tài chính này đầu tư. Nguyên nhân thứ hai là các công ty tài chính huy động lấy thể của tập đoàn chứ không phải của dân nên hệ thống giám sát cũng không khắt khe”, ông Nguyễn Xuân Thành, Chuyên gia kinh tế chương trình Fulbright nói. Theo các chuyên gia, trước năm 2008, ngoài việc cung ứng vốn cho chính các tập đoàn, các công ty tài chính đã đổ khá nhiều vốn vào thị trường bất động sản. Nhưng sự khó khăn của cả nền kinh tế, sự đóng băng của thị trường, cùng với việc siết đầu tư ngoài ngành đã làm cho hoạt động của các công ty tài chính không còn dễ dàng.

Hiện tại, các công ty tài chính thuộc các doanh nghiệp Nhà nước đang thu hẹp dần về quy mô, mạng lưới hoạt động và cả về nhân sự với ưu tiên hàng đầu là xử lý nợ xấu. Các chuyên gia cho rằng, phá sản cũng là một sự

lựa chọn không tòi đối với các công ty tài chính trong bối cảnh hiện nay. Nguyên nhân của những vụ vi phạm trên có thể nhận thấy là do các văn bản QPPL quy định về xử phạt vi phạm hành chính chưa đủ sức răn đe, chế tài chưa đủ mạnh, mức phạt còn quá thấp so với lợi nhuận của việc vi phạm đem lại.... dẫn đến các vụ vi phạm có chiều hướng gia tăng, tác động xấu đến môi trường kinh tế.

## **2.4. Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế của quy chế pháp lý về Công ty Tài chính tại Việt Nam**

### ***2.4.1. Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế đối với các quy định của văn bản pháp luật về Công ty Tài chính***

\* Nhận thức và sự quan tâm của các cấp lãnh đạo trong việc soạn thảo văn bản, chưa chú trọng vào công tác xây dựng văn bản.

Một thực tế đặt ra hiện nay là lãnh đạo một số bộ, ngành có trách nhiệm soạn thảo các quy định của pháp luật về Công ty Tài chính chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò then chốt của công tác xây dựng văn bản QPPL về Công ty Tài chính, cho nên chưa dành thời gian thích đáng và tâm sức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, đa phần tập trung vào việc quản lý chuyên ngành, giải quyết sự vụ chuyên ngành. Một số nhà lãnh đạo chưa nhận thức được rằng để quản lý tốt chuyên ngành thì cần xây dựng hệ thống pháp luật về Công ty Tài chính mang tính khả thi, đồng bộ, hợp lý. Văn bản pháp luật chính là công cụ để cơ quan nhà nước thực thi và thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành của mình. Hơn ai hết, nhà lãnh đạo nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng pháp luật, bản thân họ mới chỉ đạo và “truyền lửa“ cho chính đội ngũ cán bộ của mình thực hiện tốt nhiệm vụ; lãnh đạo đơn vị chưa đích thân trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng pháp luật và chưa coi đó là ưu tiên hàng đầu trong công tác lãnh đạo, điều hành của mình. Việc chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới cũng có phần chưa quyết liệt, thường xuyên, liên tục ngay từ khâu đầu đến khâu cuối của quy

trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL về Công ty Tài chính. Việc xây dựng và thực hiện quy trình ban hành văn bản của một số đơn vị chậm được đổi mới và chưa tăng cường tính kỷ luật, kỷ cương; Sự phối hợp giữa cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL về Công ty Tài chính còn thiếu chặt chẽ và đồng bộ. Cơ quan chủ trì soạn thảo còn xem nhẹ việc lấy và tiếp thu nghiêm túc ý kiến tham gia rộng rãi của các đối tượng chịu sự điều chỉnh của văn bản, cũng như của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý. Chưa ban hành quy chế thực hiện vai trò phản biện xã hội của các tổ chức, đoàn thể xã hội đối với nội dung các quy định pháp luật về Công ty Tài chính trong quá trình soạn thảo.

\* Nguồn nhân lực

Trong những năm qua, đội ngũ cán bộ, chuyên gia về xây dựng văn bản pháp luật đã không ngừng được đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao. Tuy nhiên đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác soạn thảo văn bản QPPL về Công ty Tài chính vừa thiếu, vừa hạn chế về năng lực, trình độ, tính chuyên nghiệp và kinh nghiệm. Một thực tế đặt ra là có những người có trình độ chuyên môn nhưng lại thiếu kỹ năng về soạn thảo văn bản và ngược lại có những người có kỹ năng về soạn thảo nhưng lại yếu về trình độ chuyên ngành (chuyên sâu). Đó là một nghịch lý đối với việc xây dựng pháp luật về Công ty Tài chính nói riêng và pháp luật về các ngành khác nói chung. Nhiều cán bộ Công ty Tài chính có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo ở nước ngoài nhưng khi về tiếp cận về xây dựng văn bản pháp luật, họ lại thiếu kinh nghiệm và ngược lại.

Việc tổ chức các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ xây dựng văn bản cho cán bộ, công chức còn quá ít so với nhu cầu nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ, công chức ngành thủy sản. Số lượng hạn chế do nguồn kinh phí đào tạo có hạn. Mặt khác, việc đào tạo còn mang tính chất đại trà, chưa xây dựng được chương trình đào tạo về kỹ năng, nghiệp vụ một cách bài bản. Nội dung các lớp tập huấn còn mang tính chung chung, chưa đi sâu vào từng chuyên đề

chuyên sâu. Dẫn đến trường hợp, các kỹ năng không được ứng dụng trong thực tiễn. Chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa thực sự thu hút được các học viên. Thời gian đào tạo ngắn, chỉ thường 2- 3 ngày, trong khi đó lượng kiến thức lớn nên chỉ dừng ở mức độ gợi mở để nghiên cứu. Ngoài ra, việc ứng dụng các thành tựu của khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, vào nâng cao chất lượng, tiến độ và hiệu quả của quy trình xây dựng văn bản QPPL về Công ty Tài chính còn hạn chế, chưa tạo ra được những tiến bộ thực chất.

**\* Kinh phí xây dựng**

Một trong những yếu tố góp phần quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng của việc xây dựng văn bản về Công ty Tài chính hiện nay là nguồn kinh phí. Vì văn bản muốn xây dựng tốt không chỉ sử dụng kiến thức trên bàn giấy mà phải có nguồn kinh phí để những người trực tiếp xây dựng văn bản đi khảo sát thực tế, lấy ý kiến các chuyên gia, hội thảo... Nguồn kinh phí theo quy định của các văn bản hiện hành về xây dựng văn bản còn ở mức thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu. Thực tế xây dựng văn bản pháp luật về Công ty Tài chính những năm qua cho thấy, nguồn kinh phí dành cho hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật còn hạn chế. Trong khi đó, nguồn kinh phí dành cho các hoạt động chuyên ngành khác rất được chú trọng. Kinh phí dành cho việc triển khai thường xuyên việc tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm đối với các văn bản đã được ban hành còn hạn chế, kinh phí cho việc rà soát đối chiếu các quy định với pháp luật có liên quan để tìm ra những điểm chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập để kịp thời sửa đổi, bổ sung còn chưa đảm bảo để thực hiện, phải lồng ghép với các hoạt động khác.

***2.4.2. Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế trong việc tổ chức thực thi các quy định về Công ty Tài chính***

**\* Tổ chức, bộ máy**

Chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước còn chồng chéo, trùng lặp. Sự phối hợp giữa các đơn vị chưa chặt chẽ ngay từ

khâu xây dựng văn bản pháp luật; năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều. Không có văn bản quy định về cơ quan, đơn vị quản lý chuyên sâu về các Công ty tài chính. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về Công ty Tài chính ở địa phương còn hổng rất lớn, chưa có sự phối hợp toàn thể các cơ quan chính quyền và cơ quan chuyên môn, không có tổ chức tham mưu quản lý nhà nước chuyên sâu về Công ty Tài chính. Do vậy về tổ chức và nhân sự quản lý nhà nước về Công ty Tài chính ở các cấp (tỉnh, huyện) đang mất cân đối lớn giữa yêu cầu quản lý nhà nước về Công ty Tài chính với nguồn nhân lực hiện có.

#### \* Tuyên truyền phổ biến

Một trong những lý do dẫn đến việc tổ chức thực thi, triển khai các văn bản về Công ty Tài chính thời gian qua còn nhiều tồn tại chính là công tác tuyên truyền, giáo dục, đưa pháp luật vào cuộc sống. Đây được xem là một trong những nội dung hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, song thực tế việc bố trí, đảm bảo các nguồn lực cho hoạt động trên hầu như chưa được thực sự quan tâm. Nhiều nơi, nhiều lúc còn thực hiện tuyên truyền mang tính chất đối phó. Mặt khác, sự phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa Ngân hàng Nhà nước với các Bộ, Ngành trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Công ty Tài chính còn chưa được chặt chẽ, đồng bộ, chưa có kế hoạch dài hạn và hàng năm về công tác phổ biến giáo dục pháp luật.

#### \* Kinh phí thực hiện

Không những trong công tác xây dựng văn bản mà trong công tác tổ chức thực hiện pháp luật về Công ty Tài chính trong thực tế cũng chưa đáp ứng được yêu cầu. Nguồn kinh phí của việc thực thi các văn bản quy phạm pháp luật về Công ty Tài chính vừa qua đang ở trong tình trạng chắp vá, huy động từ nhiều nguồn khác nhau để thực hiện.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 luận văn đã chỉ ra thực trạng chế pháp lý về công ty tài chính tại Việt Nam, phân tích đặc điểm lịch sử của quá trình hình thành hệ thống quy chế pháp lý; Thực trạng chỉ rõ, và trực tiếp về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản công ty tài chính, về cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành, kiểm soát.

Qua đó đưa ra việc đánh giá thực trạng dựa trên ưu điểm và các kết quả đã đạt được, cũng như các bất cập, hạn chế của quy chế pháp lý về Công ty tài chính tại Việt Nam. Quá trình nghiên cứu, tác giả cũng đúc kết chỉ ra những nguyên nhân của những bất cập, hạn chế này thể hiện ở các điểm chính:

\* Tổ chức, bộ máy

Chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước còn chồng chéo, trùng lặp. Sự phối hợp giữa các đơn vị chưa chặt chẽ ngay từ khâu xây dựng văn bản pháp luật;

\* Tuyên truyền phổ biến

Một trong những lý do dẫn đến việc tổ chức thực thi, triển khai các văn bản về Công ty Tài chính thời gian qua còn nhiều tồn tại chính là công tác tuyên truyền, giáo dục, đưa pháp luật vào cuộc sống.

\* Kinh phí thực hiện

Không những trong công tác xây dựng văn bản mà trong công tác tổ chức thực hiện pháp luật về Công ty Tài chính trong thực tế cũng chưa đáp ứng được yêu cầu. Nguồn kinh phí của việc thực thi các văn bản quy phạm pháp luật về Công ty Tài chính vừa qua đang ở trong tình trạng chắp vá, huy động từ nhiều nguồn khác nhau để thực hiện.

### CHƯƠNG 3

## ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ CÔNG TY TÀI CHÍNH Ở VIỆT NAM

#### **3.1. Yêu cầu phải hoàn thiện Quy chế pháp lý Công ty Tài chính tại Việt Nam**

Hiện nay, xu hướng toàn cầu hóa – khu vực hóa với đặc trưng nổi bật là sự tự do hóa tài chính ngày càng rộng khắp, chi phối mạnh mẽ khuynh hướng và cấu trúc vận động của hệ thống ngân hàng tài chính từng quốc gia. Sự vận động và phát triển không ngừng của các quan hệ xã hội cũng khiến cho các quy phạm pháp luật nói chung và các quy phạm pháp luật về Công ty Tài chính nói riêng, có xu hướng trở nên lạc hậu, lỗi thời.. Thêm vào đó, vì trình độ lập pháp của Việt Nam cũng hạn chế nên ngay trong mỗi quy phạm được ban hành cũng còn chứa đựng những thiếu sót, bất cập. Hơn thế, Công ty Tài chính là một loại hình tổ chức tín dụng mới ra đời, thời gian đi vào hoạt động chưa dài, do vậy không thể tránh khỏi những hạn chế. Chính những điều đó ảnh hưởng đến tính khả thi và hiệu quả khi áp dụng quy định của pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội, không phù hợp với sự biến đổi của xã hội, pháp luật và thông lệ quốc tế. Việc đổi mới các quy định pháp luật đối với các tổ chức tín dụng nói chung và Công ty Tài chính nói riêng là một tất yếu khách quan.

Trong quá trình hoàn thiện các quy định của pháp luật về Công ty Tài chính, cần bảo đảm các yếu tố sau:

- *Thứ nhất*, đảm bảo thực hiện đường lối đổi mới kinh tế của Đảng cộng sản Việt Nam.

Đảng và Nhà nước ta thừa nhận việc đổi mới hệ thống tổ chức tài chính luôn luôn có ý nghĩa quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và đất nước. Đại hội Đảng IX khẳng định: “Phát triển thị trường vốn và tiền tệ với hình thức đa dạng, thích hợp, bao gồm hệ thống ngân hàng, thể chế tài chính phi ngân hàng, công ty bảo hiểm, các quỹ



đầu tư /// nhằm thu hút các nguồn vốn trong xã hội, mở rộng nguồn vốn trung, dài hạn. (...) Hiện đại hóa và đổi mới công nghệ của hệ thống ngân hàng, đẩy nhanh việc áp dụng công nghệ thông tin, phấn đấu để hệ thống tài chính – ngân hàng đạt trình độ trung bình trong khu vực”. Việc phát triển của các Công ty Tài chính trong những năm tới cần kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước – các tổng công ty, các Công ty Tài chính – doanh nghiệp.

- Thứ hai, phát triển Công ty Tài chính theo đúng vai trò và tầm quan trọng của nó. Hoạt động của các Công ty Tài chính phải đảm bảo sự quan tâm tích cực, đồng bộ và các giải pháp hiệu quả hơn của ngân hàng Nhà nước, các Bộ, ngành hữu quan.

- Thứ ba, việc sửa đổi, ban hành, bổ sung pháp luật phải trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển kinh tế xã hội, phải cân nhắc tới mục tiêu khác nhau. Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong các quy định của pháp luật về Công ty Tài chính. Quá trình hoàn thiện pháp luật cần dự kiến được những trở ngại phát sinh và tạo tính chủ động, có biện pháp khắc phục kịp thời như về khả năng thực hiện, tâm lý xã hội...

- Thứ tư, phải đảm bảo sự phù hợp với xu hướng quốc tế hóa về hoạt động của các Công ty Tài chính trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Tình hình hiện nay cho thấy, hoạt động của ngành tài chính – ngân hàng Việt Nam không chỉ bó hẹp trong lãnh thổ mà còn liên quan đến tổ chức, cá nhân nước ngoài. Quá trình quốc tế hóa, buộc chúng ta trong “luật chơi chung”, chính vì thế các quy phạm pháp luật phải đảm bảo chuẩn mực phù hợp quốc tế, đảm bảo cho quá trình hội nhập của chúng ta không bị chậm so với các nước trong khu vực và có thể vươn ra tầm thế giới.

### **3.2. Những đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về Công ty Tài chính tại Việt Nam**

*Thứ nhất*, sửa đổi, bổ sung khái niệm Công ty Tài chính

Về khái niệm Công ty Tài chính sửa đổi cần thay đổi cách tiếp cận phân loại và quy định rõ hơn các loại các loại hình Công ty Tài chính. Đưa ra Để làm được điều này cần đưa ra hệ thống tiêu chí phân loại rõ ràng, cơ bản hoặc đặc điểm của Công ty Tài chính ngay trong định nghĩa. Định nghĩa hiện tại theo Luật Tổ chức tín dụng chưa giải quyết được vấn đề này. Theo quan điểm của người viết. Định nghĩa Công ty Tài chính, Ngân hàng, hay bất kỳ loại hình tổ chức tín dụng nào, trước hết đều phải xuất phát từ định nghĩa căn bản đây là một loại hình doanh nghiệp được thành lập phù hợp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam có đặc thù ngành nghề liên quan đến lĩnh vực tài chính ngân hàng. Ví dụ về tiêu chí phân loại Công ty Tài chính:

*Căn cứ vào tiêu chí vốn có thể phân chia thành:*

- Công ty Tài chính nhà nước: do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Nhà nước điều hành, tổ chức hoạt động và quản lý.

- Công ty Tài chính tư nhân: do các thành phần kinh tế khác nhau nắm giữ vốn điều lệ (có thể có một phần vốn nhà nước).

*Căn cứ vào tiêu chí mục đích kinh doanh có thể phân chia thành:*

- Công ty Tài chính bán hàng. Các Công ty Tài chính này gián tiếp cấp tín dụng cho người tiêu dùng để mua các món hàng từ một nhà bán lẻ hoặc từ một nhà sản xuất nào đó. Tín dụng được cấp dưới hình thức: các doanh nghiệp bán hàng trả góp cho khách hàng theo hợp đồng mẫu do Công ty Tài chính loại này cung cấp, sau đó hợp đồng được bán lại cho Công ty Tài chính. Như vậy, khoản nợ của khách hàng đối với nhà sản xuất hoặc nhà bán lẻ đã chuyển thành khoản nợ của khách hàng đối với Công ty Tài chính. Các Công ty Tài chính loại này thường do các công ty sản xuất hay các nhà phân phối bán lẻ thành lập nên nhằm hỗ trợ cho hoạt động tiêu thụ hàng hoá của mình.

- Công ty Tài chính tiêu dùng. Công ty Tài chính loại này cung ứng phần lớn nguồn vốn của mình cho các gia đình và cá nhân vay vào mục đích mua sắm hàng hoá tiêu dùng dưới hình thức trả góp định kỳ hoặc cấp thẻ tín

dụng. Các Công ty Tài chính loại này có thể do các ngân hàng thành lập nên hoặc hoạt động độc lập dưới hình thức công ty cổ phần.

- Công ty Tài chính kinh doanh. Công ty Tài chính loại này cấp tín dụng cho các doanh nghiệp dưới các hình thức như: Bao thanh toán (Nghị vụ FACTORING và FORFATING) – Công ty cấp tín dụng dưới hình thức mua lại (chiết khấu) các khoản phải thu của doanh nghiệp; Cho thuê tài chính (Nghị vụ LEASING) – Công ty cấp tín dụng dưới hình thức mua các máy móc thiết bị mà khách hàng yêu cầu rồi cho khách hàng thuê; v.v...

*Thứ hai, sửa đổi bổ sung hoạt động góp vốn, mua cổ phần*

Luật Các Tổ chức tín dụng 2010 quy định:

- *“Điều 129. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần*

*... 3. Mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính và các công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính vào một doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 110 của Luật này không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.*

- *“Điều 110. Góp vốn, mua cổ phần của công ty tài chính*

*... 2. Công ty tài chính được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, quỹ đầu tư.”[25,81]*

Theo quy định trên có thể hiểu là Công ty Tài chính chỉ bị giới hạn 11% đối với việc góp vốn vào Doanh nghiệp, hay đối với cả Doanh nghiệp và Quỹ đầu tư? Mặt khác thông tư 36/2014/TT-NHNN Mục 6 Giới hạn góp vốn mua cổ phần- Điều 18. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng thương mại, công ty tài chính, khoản 3 cũng chỉ quy định: *“ Mức góp vốn mua cổ phần của một công ty tài chính và các công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính vào một doanh nghiệp không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp”*; và theo Luật doanh nghiệp 2014, Điều 1. thì doanh nghiệp theo quy định của luật này bao gồm: Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh và Doanh nghiệp tư nhân; Như vậy quỹ đầu tư

không được thừa nhận là một hình thức doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014;

Do đó việc đầu tư của Công ty Tài chính vào các Quỹ đầu tư vô hình chung không có giới hạn về tỷ lệ đảm bảo an toàn cũng như không có hướng dẫn cụ thể. Qua đó với mỗi cách hiểu và vận dụng pháp luật khác nhau sẽ dẫn đến những hậu quả pháp lý không thể lường trước. Vì vậy đề nghị Ngân hàng Nhà nước và Quốc hội nghiên cứu xem xét để làm rõ nội dung này.

*Thứ ba, sửa đổi bổ sung hoạt động Ngân hàng của Công ty Tài chính, Luật Các Tổ chức tín dụng 2010 quy định:*

*“Điều 108. Hoạt động ngân hàng của công ty tài chính*

*1. Công ty tài chính được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng sau đây:*

*a) Nhận tiền gửi của tổ chức;*

*b) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;*

*c) Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*d) Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng;*

*đ) Bảo lãnh ngân hàng;*

*e) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác;*

*g) Phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.*

*2. Chính phủ quy định cụ thể điều kiện để công ty tài chính thực hiện hoạt động ngân hàng quy định tại khoản 1 Điều này.”*

Quy định tại điểm g khoản 1 Điều 108 có nguy cơ rủi ro dẫn tới cách hiểu không đúng rằng tất cả các điểm a, b, d, đ không cần chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước. Do đó mâu thuẫn với tinh thần của Điều 98 Luật Các Tổ chức tín dụng 2010 . “1. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể phạm vi, loại hình, nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng trong Giấy phép cấp cho từng tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng.”

Mặt khác hiện nay trong hoạt động huy động vốn, Công ty Tài chính chỉ được huy động vốn từ tổ chức, không huy động vốn từ các cá nhân. Trong khi đó hoạt động cho vay lại được phép cho vay tiêu dùng với các món vay nhỏ phục vụ đời sống tiêu dùng của các cá nhân này. Điều này dẫn tới kênh dẫn vốn và nguồn vốn của Công ty Tài chính bị hạn chế hơn hẳn so với Ngân hàng Thương Mại. Xét thấy với quy mô tiếp xúc đến từng cá nhân mà không được huy động vốn từ nguồn này sẽ là một rào cản lớn trong cạnh tranh với các loại hình tổ chức tín dụng khác. Vì vậy hoạt động huy động vốn, và hoạt động cho vay của Công ty Tài chính phải được điều chỉnh phù hợp đảm bảo “công bằng” thị trường. Đề xuất nghiên cứu bổ sung thêm hình thức huy động vốn từ các cá nhân của Công ty Tài chính.

*Thứ tư, sửa đổi, bổ sung hoạt động ủy thác, nhận ủy thác cho vay, đầu tư*

Hiện nay Luật Các Tổ chức tín dụng 2010 không quy định Công Ty Tài chính có được thực hiện hoạt động ủy thác, nhận ủy thác cho vay, đầu tư. Trong khi đó trong thông tư hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước số 30/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 về hoạt động ủy thác và nhận ủy thác vẫn quy định

*Điều 12. Ủy thác và nhận ủy thác của công ty tài chính*

*1. Công ty tài chính được ủy thác cho:*

- a) Ngân hàng thương mại, công ty tài chính khác để thực hiện cho vay đối với khách hàng;
- b) Ngân hàng hợp tác xã để thực hiện cho vay đối với khách hàng không phải là thành viên ngân hàng hợp tác xã;
- c) Quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện cho vay đối với khách hàng không phải là thành viên quỹ tín dụng nhân dân;
- d) Tổ chức tài chính vi mô để thực hiện cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp, doanh nghiệp siêu nhỏ;
- đ) Công ty cho thuê tài chính, công ty tài chính khác để thực hiện cho thuê tài chính.

## 2. Công ty tài chính được:

- a) Nhận ủy thác đầu tư vào dự án sản xuất kinh doanh của tổ chức, cá nhân;
- b) Nhận ủy thác của ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính khác, ngân hàng hợp tác xã, tổ chức, cá nhân để thực hiện cho vay đối với khách hàng;
- c) Nhận ủy thác của công ty cho thuê tài chính, công ty tài chính khác để thực hiện cho thuê tài chính

Như vậy vô hình chung việc hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đang hướng dẫn nội dung chưa được quy định chính xác cụ thể đối với Công ty Tài chính. Xét thấy hoạt động ủy thác, nhận ủy thác cho vay, đầu tư là hoạt động phát sinh thường xuyên, liên tục trong thị trường tài chính không chỉ ở Việt Nam mà cả trên toàn thế giới nên việc quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước là hoàn toàn phù hợp và cần thiết. Tuy nhiên để đảm bảo tính đồng bộ thống nhất của hệ thống pháp luật về Công ty Tài chính, cần phải đưa nội dung này vào Luật Các Tổ chức tín dụng.

### **3.3. Những đề xuất, kiến nghị trong việc tổ chức thực thi Quy chế pháp lý về Công ty Tài chính tại Việt Nam**

#### ***3.3.1. Tăng cường sự quan tâm của Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước các đơn vị, nâng cao nhận thức, vai trò của các tổ chức, cá nhân trong việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về Công ty Tài chính.***

Hoàn thiện pháp luật về Công ty Tài chính đòi hỏi sự đổi mới sâu sắc trong tư duy, nhận thức về tổ chức thực hiện công tác này. Qua những hạn chế, bất cập của công tác xây dựng pháp luật về Công ty Tài chính thời gian qua, cần tăng cường công tác chỉ đạo, triển khai cải cách hành chính ngay từ trung ương một cách quyết liệt. Để thực hiện hiệu quả công tác này cần có quyết tâm chính trị của các cấp lãnh đạo cao của Đảng và Nhà nước, của những người đứng đầu các cơ quan xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật về Công ty Tài chính. Cần tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của các cấp chính quyền; gắn kết trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong việc thực thi các quy định của pháp luật về Công ty Tài chính. Cần chú trọng việc tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện các văn bản hướng dẫn thi hành về Công ty Tài chính trong thời gian qua và tăng cường chỉ đạo việc xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về Công ty Tài chính trong thời gian tới nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật về Công ty Tài chính.

#### **\* Tổ chức bộ máy nhà nước**

Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về Công ty Tài chính theo hướng kiểm soát tốt các Công ty Tài chính, Kiểm soát tỷ lệ cho vay trên huy động, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu trong tầm kiểm soát bền vững, quản lý theo công nghệ ngân hàng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định pháp luật. Từng bước có lộ trình để giải quyết các vấn đề tồn tại trong công tác quản lý nhà nước về Công ty tài chính như vấn đề: phát triển bền vững, kiểm

soát số lượng phát sinh Công ty Tài chính nhưng không được ngăn cản nhu cầu thị trường...

Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước chuyên ngành trong lĩnh vực tài chính. Phân công rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp giữa Ngân hàng Nhà nước trong công tác quản lý theo hướng phân công rõ trách nhiệm giữa các Bộ ban ngành liên quan, giữa các chính phủ và các cơ quan cấp Bộ. Thực hiện quyết liệt công tác cải cách hành chính cấp phép một số nội dung liên quan đến quản lý Công ty Tài chính, đồng thời với việc bố trí kinh phí để kiện toàn bộ máy, đầu tư nguồn lực để đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước về Công ty Tài chính Nhà nước.

\* Nguồn nhân lực

Thời gian qua, hoạt động xây dựng pháp luật về Công ty Tài chính nói riêng và Các tổ chức tín dụng nói chung đã nhận được sự hỗ trợ từ nhiều nguồn kinh phí khác nhau, trong đó có sự hỗ trợ trực tiếp của các dự án Luật về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Vì vậy, trong thời gian tới cần tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của các dự án để mở rộng phạm vi đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng xây dựng pháp luật về Công ty Tài chính tới toàn thể cán bộ, công chức thuộc Ngân hàng Nhà nước, đặc biệt là lãnh đạo các đơn vị. Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức không chỉ giỏi về nghiệp vụ pháp chế mà còn có kiến thức về chuyên ngành tài chính. Vì trong điều kiện hội nhập nói chung, để xây dựng hệ thống pháp luật về Công ty Tài chính, cán bộ công chức cần am hiểu về chuyên ngành. Ngoài ra cũng cần đào tạo về ngoại ngữ, tin học. Công tác xây dựng văn bản pháp luật về Công ty Tài chính trong thời kỳ hội nhập đòi hỏi phải so sánh với các cam kết, hiệp định, điều ước, các thuật ngữ chuyên ngành tài chính bằng tiếng nước ngoài. Điều này yêu cầu đội ngũ làm công tác xây dựng pháp luật về Công ty Tài chính phải có một trình độ ngoại ngữ nhất định để có thể hiểu được những quy định đó. Mặt



khác, cán bộ, công chức cũng phải có trình độ tin học nhất định để có thể ứng dụng trong công tác xây dựng pháp luật về Công ty Tài chính.

Bên cạnh việc nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật Công ty Tài chính thì chúng ta cần huy động tối đa các nguồn lực, đặc biệt là những người trực tiếp tham gia hoạt động Công ty Tài chính tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình soạn thảo các văn bản QPPL điều chỉnh hoạt động Công ty Tài chính để khi các quy định được ban hành đảm bảo tính khả thi và tính thực tiễn cao. Tăng cường nguồn kinh phí soạn thảo văn bản QPPL, ưu tiên cho các hoạt động đi khảo sát thực tiễn và tổ chức hội thảo lấy ý kiến rộng rãi của các đối tượng có liên quan.

\* Tuyên truyền các quy định về Công ty Tài chính

Tổ chức tốt việc truyền thông, giáo dục pháp luật về Công ty Tài chính, ý thức chấp hành pháp luật đặc biệt là những quy định pháp luật về đảm bảo tỷ lệ an toàn phòng ngừa rủi ro, chú trọng giáo dục ý thức trách nhiệm tổ chức của chính các Công ty Tài chính trong bảo vệ sự bền vững và tuân thủ quy định pháp luật. Quan tâm đúng mức công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Công ty Tài chính. Nâng cao ý thức tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về Công ty Tài chính của tổ chức, cá nhân. Xác định và triển khai các hình thức phổ biến pháp luật thực sự phù hợp với từng đối tượng, lựa chọn các phương pháp, phương thức đưa Luật Các Tổ chức tín dụng vào cuộc sống, gắn kết giữa tuyên truyền, giáo dục với tăng cường kiểm tra, giám sát, đảm bảo thực thi pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật. Trong tuyên truyền, giáo dục phải kết hợp hài hòa các phương thức trực tiếp (các lớp tập huấn, đào tạo, tuyên truyền, vận động trực tiếp) với phân phát tài liệu, tờ rơi, pa nô, áp phích và qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo viết, nói, báo hình), nhất là mạng lưới các đài phát thanh, truyền thanh và vô tuyến truyền hình. Lồng ghép với việc triển khai các chương trình, dự án và tập trung tuyên truyền theo các chủ đề trong từng thời gian và ở từng địa

phương, đảm bảo các đối tượng nằm trong phạm vi điều chỉnh tham gia với số lượng lớn nhất. Đồng thời tận dụng mọi nguồn lực, cơ hội như hội nghị, hội thảo để tuyên truyền, phổ biến.

\* Thanh tra, kiểm tra

Hoàn thiện cơ quan Thanh tra chuyên ngành tài chính, hệ thống các cơ quan thanh tra từ Trung ương đến địa phương đủ điều kiện đáp ứng việc thực thi pháp luật các Tổ chức tín dụng nói chung và pháp luật về Công ty tài chính nói riêng. Thành lập và đưa vào hoạt động của thanh tra tài chính hoạt động độc lập. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về Công ty Tài chính; có cơ chế phối hợp hoạt động giữa lực lượng thanh tra tài chính, kiểm toán độc lập, kiểm toán nhà nước... Tăng cường công tác giám sát việc xây dựng và thực hiện các văn bản pháp luật về Công ty Tài chính. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát sẽ nắm bắt được tình hình thực thi công tác này, đồng thời phát hiện ra những điểm hạn chế, những đơn vị chưa thực hiện tốt, thực hiện đúng để góp ý, nhắc nhở hoặc có ý kiến kiến nghị đến cấp có thẩm quyền nhằm đưa hoạt động này vào quy củ, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Cũng thông qua công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện và tuyên dương kịp thời những đơn vị, cá nhân có thái độ tích cực trong phối hợp thực hiện công tác xây dựng pháp luật, đồng thời nhắc nhở cụ thể các đơn vị, cá nhân chưa nghiêm túc thực hiện đúng quy trình, thủ tục, tiến độ xây dựng văn bản QPPL về Công ty Tài chính để kịp thời chấn chỉnh. Đề nghị đưa kết quả thực hiện việc xây dựng pháp luật về Công ty Tài chính vào thành một trong các chỉ tiêu đánh giá thi đua hàng năm của các đơn vị.

\* Hợp tác quốc tế

Khuyến khích các doanh nghiệp, các Trường đại học, các Viện nghiên cứu khoa học liên doanh, liên kết với các nhà đầu tư nước ngoài để đầu tư phát triển về Công ty Tài chính, đặc biệt trong việc ứng dụng khoa học công nghệ thông tin, ứng dụng, công nghệ xây dựng quy định pháp luật... Tăng

cường và mở rộng hợp tác quốc tế, trước hết đối với các nước trong khu vực Asean và các nước trong khu vực Biển Đông. Đẩy mạnh việc đàm phán, ký kết các thỏa thuận FTA tài chính. Hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế để trao đổi thông tin, trao đổi chuyên gia về Công ty Tài chính. Hợp tác đưa các cá nhân đi nghiên cứu học tập ở nước ngoài

Tăng cường quảng bá hình ảnh thị trường Tài chính Việt Nam, tăng cường vai trò của Hiệp hội Ngân hàng, Câu lạc bộ Pháp chế Ngân hàng trong công tác phản biện văn bản pháp luật. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm thúc đẩy công nghiệp hoá ngành Tài chính. Tăng cường tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư về tài chính tại các thị trường ngoài nước. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tận dụng tối đa các nguồn lực về kinh phí, con người, về kinh nghiệm của các quốc gia và các tổ chức quốc tế trong công cuộc hoàn thiện hệ thống pháp luật về Công ty Tài chính. Nghiên cứu các quy định của luật pháp quốc tế về Công ty Tài chính để nội luật hoá trong các quy định của quốc gia đảm bảo tương thích và phù hợp với pháp luật quốc tế.

### ***3.3.2. Tạo hành lang pháp lý đồng bộ và tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước***

“Muốn có một thị trường phát triển cần tạo dựng một môi trường lành mạnh”, đó là đặc trưng của kinh tế thị trường. Công ty Tài chính là một loại hình tổ chức tín dụng có phạm vi hoạt động khá rộng, có đôi chút hạn chế (không có dịch vụ thanh toán và nhận tiền gửi dưới một năm) nhưng lại có lợi thế hơn ở sự năng động trong tôn chỉ “tối đa hoá lợi nhuận cho khách hàng”. Trong khi trên thị trường tài chính thế giới định chế tài chính này đã phát triển lớn mạnh thì ở Việt Nam chủ yếu các Công ty Tài chính mới chỉ giới hạn các hoạt động trong phạm vi các tổng công ty sở hữu Nhà nước. Một trong số các lý do quan trọng dẫn tới tình trạng này là do sự thiếu rõ ràng trong một số quy định của Pháp luật, sự định hướng khách hàng của chính các Công ty Tài chính và vai trò quản lý của Nhà nước là chưa tốt.

- Thứ nhất, các văn bản pháp luật quy định về Công ty Tài chính hiện nay là ít và thiếu so với các loại hình tổ chức tín dụng khác.

Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014 quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính đã không còn đủ sức đáp ứng các yêu cầu của thực tế. Bên cạnh đó thông tư số 06/2002/TT-NHNN ngày 23/12/2002 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014 không có các hướng dẫn chi tiết thực hiện các hoạt động mà Công ty Tài chính được phép thực hiện. Điều này gây khó khăn cho các Công ty Tài chính trong việc thực thi pháp luật. Ví dụ: Điều 21 Nghị định số 79/2002/ NĐ – CP quy định “Công ty Tài chính được cấp tín dụng dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật”, tại khoản 3 Điều 27 quy định “các hoạt động khác” [2,79] phải được các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Những “hình thức khác” và “hoạt động khác” quy định trong Nghị định không được hình dung cụ thể ở Thông tư số 06/2002/ TT-NHNN hay bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào. Do vậy với vai trò là hướng dẫn thực các quy định trong nghị định, thụng tư cần phải chi tiết, rõ ràng, cụ thể hơn. Thêm vào đó, khi gia nhập WTO, hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, Việt Nam không thể đứng ngoài xu thế vận động chung của nền tài chính thế giới. Trong đó có việc tăng cường và phát triển vai trò của Công ty Tài chính lên đúng tầm quan trọng của nó đối với hệ thống các tổ chức tín dụng của một quốc gia. Nhà nước cần sửa đổi, bổ sung các văn bản dưới luật hiện hành đang điều chỉnh trực tiếp đến Công ty Tài chính và những văn bản liên quan để tháo gỡ những vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể khi tham gia thị trường. Quan trọng hơn là các quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính cần được nâng lên thành luật, đảm bảo tính pháp lý cao cho hoạt động của các công ty này.

- Thứ hai, song song với việc hoàn thiện môi trường pháp lý, Nhà nước cũng cần có những định hướng hoạt động cụ thể khác để nâng cao vai trò quản lý của mình đối với các Công ty Tài chính.

Với tư cách là chủ thể quản lý, chủ sở hữu vốn của 7/9 Công ty Tài chính hiện nay, Nhà nước cần định hướng hoạt động công ty tài chính tập trung vào các hoạt động mà các Ngân hàng hiện còn bỏ ngỏ hoặc ít quan tâm như: cho vay tiêu dùng đối với cá nhân, cho vay mua trả góp, phát hành thẻ... Nếu các Công ty Tài chính Việt Nam ra đời chỉ thực hiện chức năng thay mặt cho tổng công ty đầu tư vốn vào các công ty thành viên và huy động vốn cho tổng công ty thực hiện chiến lược dài hạn, thì đã để lãng phí rất lớn một thị trường trong nước nhiều tiềm năng. Trong thời gian gần đây có rất nhiều tổ chức trong và ngoài nước muốn thành lập công ty tài chính ở Việt Nam, một số tập đoàn tài chính tên tuổi như General Electric (Hoa Kỳ), BIDV Châu Âu (BIDV Europe Finance & Investment); các tập đoàn kinh tế lớn trong nước, như: Công ty Tài chính Vinalines – VN airline, Công ty Tài chính Vinaconex của tập đoàn Vinaconex, Công ty Tài chính Sông Đà... Điều đó có thể giải thích bởi một số lý do sau:

- Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển nhanh và ổn định. Việc hội nhập với nền kinh tế thế giới và khu vực của Việt Nam đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ, khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước tìm kiếm các lĩnh vực đầu tư hiệu quả, trong đó có mô hình hoạt động của Công ty Tài chính. Các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam được ban hành tương đối đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty tài chính phát triển, hoạt động an toàn và có hiệu quả. Nhiều tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp lớn của Việt Nam đã không ngừng phát triển, do vậy cần có riêng tổ chức tài chính để phục vụ nhu cầu và đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tạo công cụ tài chính lớn để đầu tư ra ngoài tổng công ty, tập đoàn. Công ty tài chính sẽ là cầu nối cho các hoạt động này. Các Công ty Tài chính thời gian

qua hoạt động có hiệu quả, tỷ lệ lời cao so với các ngành sản xuất kinh doanh khác trong khi hệ số rủi ro thấp. Điều này đã thúc đẩy các tập đoàn, tổng công ty đề nghị thành lập công ty tài chính dưới hình thức cổ phần như hiện nay. Lĩnh vực đầu tư vào các ngành nghề mới, dịch vụ mới của các Ngân hàng thương mại cổ phần hiện nay còn hạn chế trong khi nhu cầu vay vốn để đáp ứng yêu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân còn bỏ ngỏ. Theo thống kê, tỷ lệ người dân tiếp cận với các dịch vụ tài chính ngân hàng Việt Nam chiếm một tỷ lệ thấp (khoảng dưới 10%). Do vậy nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài muốn sử dụng ngay chính nguồn vốn của họ để đầu tư cho vay trong lĩnh vực tín dụng tiêu dùng.

Nhưng theo các chuyên gia kinh tế (Ông Martin Rama, chuyên gia kinh tế trưởng Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam) cảnh báo, việc ồ ạt xin thành lập Công ty Tài chính ẩn chứa nhiều bất lợi không chỉ với các hoạt động của Doanh nghiệp Việt Nam mà còn với cả nền kinh tế, khi việc cho vay trong nội bộ tập đoàn của các loại hình này không được kiểm soát chặt chẽ như cơ chế giám sát hoạt động Ngân hàng. Do vậy rất cần cứ các quy chế kiểm soát và quản lý một cách minh bạch, chuyên nghiệp. Có nhiều Công ty Tài chính tham gia thị trường buộc các công ty muốn tồn tại phải nâng cao sức cạnh tranh của mình, đó là một điểm tốt. Song Việt Nam tuy là một thị trường tiềm năng nhưng là một thị trường nhỏ vì vậy nếu có quá nhiều đối tượng tham gia dễ dẫn đến khả năng nảy sinh các cạnh tranh không bình đẳng. Một số công ty lớn sẽ nắm vai trò độc quyền, thống trị, chi phối hoàn toàn thị trường. Lúc này, vai trò quản lý giám sát thị trường của Ngân hàng Nhà nước vì một môi trường tài chính lành mạnh lại càng trở nên quan trọng hơn. Do vậy, để quản lý đạt hiệu quả cao hơn, Nhà nước nên chuyển từ hình thức kiểm tra trực tiếp sang hình thức giám sát đối với các Công ty Tài chính. Việc giám sát được thực hiện thông qua việc thành lập hệ thống thông tin, củng cố bộ máy Nhà nước tránh trùng lặp, chồng chéo, nên phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm

vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan khi kiểm tra giám sát các Công ty Tài chính.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường và quy mô hoạt động ngày càng mở rộng của Công ty Tài chính, cũng như theo kinh nghiệm của các nước trên thế giới, Việt Nam nên thành lập Hiệp hội Công ty Tài chính cấp Nhà nước, đó là đòi hỏi cần thiết, khách quan. Hiệp hội làm đại diện của Việt Nam trong mối quan hệ với các tổ chức, Công ty Tài chính quốc tế, là cầu nối giữa các doanh nghiệp với nhau và cùng tổ chức tiếp xúc với các cơ quan quản lý Nhà nước. Chính Hiệp hội sẽ là nơi hỗ trợ quảng bá hoạt động và cung cấp dịch vụ cần thiết như tư vấn, đào tạo.

Với việc thành lập Hiệp hội sẽ giúp Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty Tài chính, có được những số liệu cụ thể, chính xác và đánh giá hướng phát triển, tác động của nó đối với nền kinh tế. Hiệp hội ra đời sẽ phối hợp các hoạt động, nâng cao chất lượng kinh doanh như tổ chức liên kết giữa các Công ty Tài chính. Đây cũng chính là cơ quan bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các Công ty Tài chính khi xảy ra tranh chấp. Ngoài những biện pháp trên, các Công ty Tài chính cần đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, hiểu biết sâu về hoạt động của công ty tài chính. Bên cạnh đó, đẩy mạnh giới thiệu, quảng bá hoạt động của các Công ty Tài chính đến với công chúng, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ để mở rộng thị trường, phục vụ nhiều đối tượng khách hàng trên thị trường tài chính. Trên đây là những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về Công ty Tài chính. Để thực hiện được cần có thời gian nhất định, nhưng chúng ta tin tưởng Công ty Tài chính ở Việt Nam sẽ sớm có thể vươn tầm hoạt động sâu rộng như chức danh vốn có của nó.

Thực tế cho thấy, hoạt động của các Công ty Tài chính ngày càng hiệu quả hơn. Điều đáng quan tâm hiện nay là các công ty tài chính chưa được biết đến rộng rãi và chưa phát huy hết khả năng vốn có. Do vậy, việc đưa ra

những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về Công ty Tài chính là đòi hỏi cấp thiết khi nước ta đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Chương 3 tác giả kết cấu trên cơ sở phân tích những thực trạng đã nêu ở chương 2 và chỉ ra các yêu cầu phải hoàn thiện quy chế pháp lý công ty tài chính ở Việt Nam. Đưa ra những đề xuất, kiến nghị, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về công ty tài chính. Những đề xuất, kiến nghị trong việc tổ chức thực thi quy chế pháp lý về công ty tài chính thể hiện ở:

- Sửa đổi khái niệm về công ty tài chính.

- Sửa đổi các quy định liên quan đến tổ chức công ty tài chính phù hợp với bản chất

- Sửa đổi một số quy định về hoạt động công ty tài chính đảm bảo phù hợp với thực tiễn thi hành

Yêu cầu tiến hành đồng bộ từ chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền và tăng cường vai trò quản lý nhà nước đảm bảo hoạt động ổn định, phòng ngừa rủi ro tài chính tối đa.



## KẾT LUẬN

Công ty Tài chính ra đời trên cơ sở những đòi hỏi khách quan của nền kinh tế thị trường, với tư cách là một trung gian tài chính nó góp phần lưu thông, điều tiết luồng vốn trong nền kinh tế. Xác định được vai trò của loại hình tổ chức tín dụng này Nhà nước ta đã ban hành các quy định tương đối đầy đủ về thành lập, hoạt động của Công ty Tài chính. Với xu thế phát triển mạnh mẽ, pháp luật về Công ty Tài chính đã có những bước hoàn thiện, thay đổi tích cực song vẫn không tránh khỏi những tồn tại đòi hỏi cần sửa đổi kịp thời.

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận chung, thực trạng pháp luật về Công ty Tài chính, khoá luận đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về Công ty Tài chính, đáp ứng yêu cầu quá trình đổi mới đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Hy vọng rằng những kết quả nghiên cứu của đề tài này sẽ có ý nghĩa thiết thực trong thực tiễn nhằm góp một phần nhỏ vào việc hoàn thiện pháp luật về Công ty Tài chính.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (1995), Nghị định số 39/CP ngày 27/06/1995 ban hành điều lệ mẫu của Tổng công ty Nhà nước, Hà Nội.
2. Chính phủ (2002), Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính, Hà Nội.
3. Chính phủ (2006), Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 Ban hành danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng, Hà Nội.
4. Chính phủ, (2014) Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014 về hoạt động của Công ty Tài chính và Công ty cho thuê Tài chính, Hà Nội.
5. Trần Công Diệu (2002), Những giải pháp nhằm hoàn thiện và phát triển Công ty Tài chính ở Việt Nam, Luận án tiến sĩ kinh tế, Hà Nội.
6. Nguyễn Dương (2008), “Thành lập các Công ty tài chính ở Việt Nam - Nguồn lực dẫn vốn”, *Tạp chí Thương mại*, (13), tr 39, 40.
7. Nguyễn Hiền (2013), *Đầu tư tràn lan, Công ty Tài chính “gọi” vốn ngắn hạn trái luật*, Nguồn: <http://dantri.com.vn/kinh-doanh/dau-tu-tran-lan-cong-ty-tai-chinh-goi-von-ngan-han-trai-luat-734220.htm>.
8. Hội đồng Nhà nước (1990), Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng, Công ty Tài chính, Hà Nội.
9. Giang Nam (2009), “Xây dựng khung pháp lý cho mới Công ty tài chính”, *Tạp chí chứng khoán Việt Nam*, (5), tr 11, 12.
10. Ngân hàng Nhà nước (2002), Quyết định số 286/2002/QĐ-NHNN ngày 03/04/2002 về việc ban hành quy chế đồng tài trợ của các Tổ chức tín dụng, Hà Nội.
11. Ngân hàng Nhà nước (2002), Thông tư số 06/2002/TT-NHNN ngày 23/11/2002 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày

- 04/10/2002 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính, Hà Nội.
12. Ngân hàng Nhà nước (2003), Quyết định số 24/2003/QĐ-NHNN ngày 07/01/2003 Ban hành quy định về việc mở, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Hà Nội.
  13. Ngân hàng Nhà nước (2003), Quyết định số 516/2003/QĐ-NHNN ngày 26/05/2003 Ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Hà Nội.
  14. Ngân hàng Nhà nước (2004), Quyết định số 1325/2004/QĐ-NHNN ngày 05/11/2002 về việc ban hành quy chế chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, Hà Nội.
  15. Ngân hàng Nhà nước (2005), *Quyết định số 457/QĐ-NHNN ngày 19/04/2005 về việc ban hành Quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Tổ chức Tín dụng*, Hà Nội.
  16. Ngân hàng Nhà nước (2007), Quyết định số 40/2007/QĐ-NHNN ngày 02/11/2007 Ban hành quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần, Hà Nội.
  17. Ngân hàng Nhà nước, (2008), Quyết định số 01/2008/QĐ-NHNN ngày 09/01/2008 quy định về việc mở và và chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức tín dụng phi Ngân hàng, Hà Nội.
  18. Ngân hàng Nhà nước (2010), Thông tư số 13/2010/TT-NHNN quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, Hà Nội.
  19. Ngân hàng Nhà nước (2012), Thông tư số 28/2012/TT-NHNN ngày 03/10/2012 quy định về bảo lãnh Ngân hàng, Hà Nội.
  20. Ngân hàng Nhà nước (2013), Thông tư số 04/2013/TT-NHN ngày 01/03/2013 quy định về hoạt động chiết khấu công cụ chuyển nhượng

giấy tờ có giá khác của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, Hà Nội.

21. Quốc hội (1995), *Luật doanh nghiệp Nhà nước*, Hà Nội.
22. Quốc hội (1997), *Luật các tổ chức tín dụng*, Hà Nội.
23. Quốc hội (2004), *Luật phá sản*, Hà Nội.
24. Quốc hội (2005), *Luật doanh nghiệp*, Hà Nội.
25. Quốc hội (2010), *Luật các tổ chức tín dụng*, Hà Nội.
26. Phạm Cẩm Tú (2008), Hoạt động của các Công ty tài chính ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Thực trạng và giải pháp, Khóa luận tốt nghiệp, Hà Nội, tr.18-23; 46.